



CON CÓ THỂ UỐNG CHÉN NÀY?

Nguyên tác: Can You Drink the Cup?

Tác giả: Henri J.M. Nouwen

Dịch giả: An Nguyễn

MỤC LỤC

LỜI DẪN NHẬP

PHẦN MỘT: CÀM LẤY CHÉN

1. CÀM LẤY

2. CHÉN ĐĂNG

3. CHÉN VUI MỪNG

PHẦN HAI: NÂNG CHÉN LÊN

4. NÂNG LÊN

5. CHÉN CHÚC PHÚC

6. CHO CUỘC ĐỜI

PHẦN BA: UỐNG CHÉN

7. UỐNG

8. CHÉN CỨU CHUỘC

9. CAN CHÉN

10. KẾT LUẬN

LỜI DẪN NHẬP

CHÉN LỄ VÀ CHÉN RƯỢU

Đó là một ngày chúa nhật, Đức Hồng Y Bernard Alfrink, thuộc giáo phận Hòa Lan, đặt tay lên đầu tôi, mặc cho tôi chiếc áo choàng trắng, đưa cho tôi chén thánh với khăn bằng vải lanh. Tôi chịu chức cùng với hai mươi bảy tân linh mục khác ở thánh đường Sainte Catherine, thành phố Utrecht. Tôi chẳng bao giờ quên được cảm xúc trào dâng ngày hôm ấy, ngày 21 tháng 7 năm 1957.

Từ lúc lên sáu, tôi đã có ước muốn làm linh mục mãnh liệt. Trừ những giấc mơ thoáng qua muốn làm sĩ quan hàng hải, chỉ vì bộ đồng phục màu xanh trắng có dây ren vàng mà các sĩ quan mặc đi diễn hành trên sân ga làng, còn ngoài ra tôi luôn luôn mơ có một ngày dâng thánh lễ như cậu Antôn của tôi.

Bà ngoại là người khuyến khích tôi nhiều nhất. Bà là người đàn bà buôn bán giỏi, có một tiệm buôn lớn, mẹ tôi là người giữ sổ sách, tôi và em tôi tha hồ chơi cút bắt, chạy lên chạy xuống thang máy trong tiệm. Khi biết được ơn gọi chớm nở của tôi, bà nhờ bác thợ mộc đóng cho tôi một cái bàn thờ nhỏ, nhờ cô thợ may may cho tôi các bộ áo quần để tôi giả làm linh mục. Tôi biến cái gác xép trong nhà thành nhà nguyện cho các em bé, ở đó tôi giả bộ làm lễ và giảng cho bố mẹ tôi nghe. Tôi cũng hào hứng tham dự để tổ chức một hệ thống phẩm trật có đầy đủ giám mục, linh mục, thầy phó tế, trẻ giúp lễ. Trong thời gian này, không những bà ngoại tiếp tục cho tôi các vật dụng mới để tôi có thể đóng vai linh mục như chén thánh, đĩa thánh, mà bà còn nhẹ nhàng hướng dẫn tôi có một đời sống cầu nguyện và củng cố lòng mộ đạo để tôi có quan hệ mật thiết với Đức Giêsu.

Lên mười hai tuổi, tôi muốn vào chủng viện, cha mẹ tôi chống đối cho rằng tôi còn quá nhỏ để rời khỏi gia đình. Cha tôi nói: "Con chưa sẵn sàng để có một quyết định như vậy, con phải chờ đến mười tám tuổi". Đó là năm 1944, người muốn tôi vào trường trung học ở thành phố tôi ở, gần Amsterdam. Thế Chiến II đang hoành hành, nhưng cha mẹ tôi đã gìn giữ cho hai anh em tôi tránh được các chuyến khủng khiếp của chiến tranh, chúng tôi có một đời sống bình thường. Sau chiến tranh, chúng tôi dọn về La Haye, tôi học xong trung học ở đó. Cuối cùng đến năm 1950, tôi được vào chủng viện để học triết lý và thần học, chuẩn bị làm linh mục sau này.

Khi giấc mơ làm linh mục được thực hiện vào ngày 21 tháng 7 năm 1957, tôi mới hai mươi lăm tuổi và còn quá ngây thơ. Cuộc đời tôi được bảo bọc, lớn lên trong một ngôi vườn đẹp, với hàng rào che kín rậm rạp. Đó là ngôi vườn được gìn giữ bởi cha mẹ yêu thương, bởi kinh nghiệm ngây thơ của sói con, của thánh lễ, của chịu lễ mỗi ngày, của những giờ học với các vị thầy tận tụy, những năm tháng dài hạnh phúc nhưng khép kín của đời sống chủng viện. Tôi ra trường lòng đầy tình thương cho Đức Giêsu và có ước muốn nóng bỏng rao giảng lời Chúa cho thế gian, mà không hề biết là thế gian chẳng chờ để nghe tôi giảng! Tôi chỉ quen rất ít người Tin lành và luôn luôn cẩn thận đề phòng, tôi chẳng bao giờ gặp người ngoại đạo, tôi hoàn toàn không biết gì hết về các tôn giáo khác. Các người ly dị là một bí hiểm đối với tôi và nếu có các linh mục từ bỏ áo dòng, thì người ta tránh không cho tôi gặp. Chuyện "tiếng tăm" lớn nhất mà tôi chứng kiến là có một anh bạn chủng sinh không đi tu nữa!

Dù sao đó vẫn là khu vườn tuyệt vời của tuổi thanh xuân, đầy những việc tốt lành kéo dài suốt cả cuộc đời tôi: một tinh thần vui vẻ, một lòng sùng kính Đức Giêsu và Mẹ Maria sâu xa, một tâm hồn chân thực bám vào cầu nguyện, một đam mê tìm hiểu thần học và đời sống thiêng liêng, một ham thích mạnh mẽ Sách Thánh và các bài viết của những người Kitô đầu tiên, một tâm hồn say sưa rao giảng và

một ý thức rất mạnh về ơn gọi của mình. Bà ngoại, ông bà nội, cha mẹ, bạn bè, các giáo sư, tất cả đều khuyến khích tôi trung thành với ước muốn sống một đời sống với Đức Giêsu và cho người khác.

Khi ĐHY Alfrink đưa chén thánh cho tôi, tôi cảm thấy sẵn sàng để đảm nhiệm chức vụ linh mục. Niềm vui ngày hôm đó vẫn còn ở trong lòng tôi như một kỷ niệm không thể nào phai được. Chén thánh tượng trưng cho niềm vui này.

Trong dịp chịu chức, phần đông các bạn của tôi đều đặt làm chén thánh, riêng tôi là trường hợp ngoại lệ. Cậu Antôn chịu chức năm 1922, cậu rất hạnh phúc có một tân linh mục trong gia đình, và cậu tặng tôi chén thánh của cậu để tỏ lòng biết ơn Chúa. Chén rất đẹp do một nhà kim hoàn danh tiếng ở Hòa Lan làm, có dát các hạt kim cương nhỏ nhỏ của bà ngoại tôi. Thân chén là hình thập giá như một thân cây, trên đó có chùm nho vàng óng ánh và lá nho bao bọc thành chén. Chân chén có khắc các chữ bằng tiếng latin: *Ego sum vites, vos palmites*, "Ta là cây nho, các con là cành nho". Đó là món quà quý giá, tôi rất xúc động khi nhận được. Tôi nhớ tôi đã nói với cậu Antôn: "Con thấy cậu hay dâng lễ với chén thánh này, cậu có chắc là cậu muốn nhường cho con không?" Cậu cười và trả lời: "Cậu muốn con giữ chén này. Chén này của bà ngoại, bà chết sớm không thấy được cháu làm linh mục, nhưng tình thương của bà ở với cháu bây giờ đây". Vì thấy tôi cứ ngần ngại không chịu nhận chén thánh, cậu nói thêm: "Con cầm lấy, nhưng con phải truyền lại cho người khác trong gia đình, nếu có ai chịu chức."

Chén thánh này vẫn còn ở trong tay tôi, vì cho đến giờ phút này, vẫn chưa có ai trong gia đình chịu chức. Tôi để trong nhà tạm ở nhà nguyện Dayspring, Toronto, nơi tôi ở hiện nay. Tôi hay cho bạn bè và các người đến thăm xem chén thánh này. Nhưng quá nhiều chuyện đã xảy ra trong hơn ba mươi năm qua, đến mức chén thánh sang trọng của cậu tôi giờ đây không còn tượng trưng cho những gì tôi đang sống. Bây giờ khi làm lễ, tôi thường hay dùng các loại chén do nghệ nhân Simon Pearce làm đồ thủy tinh ở Vermont chế tạo. Cái chén chế tạo bằng quý kim được thay thế bằng các chén thủy tinh trong suốt, có thể thấy rượu trong đó và nhiều người có thể cùng uống. Các chén này thể hiện một phong cách mới làm linh mục và một phong cách mới làm người. Tôi thích các chén mới này, nhưng nếu không có chén mà cậu Antôn cho tôi gần bốn mươi năm trước đây, thì các chén mới này sẽ không có nhiều giá trị dưới mắt tôi như bây giờ.

NHẬP ĐỀ

CÂU HỎI

Tôi muốn kể câu chuyện chén lễ, không phải là câu chuyện của đời tôi, nhưng là câu chuyện của sự sống.

Khi Đức Giêsu hỏi các bạn của người là Giacôbê và Gioan, con ông Zêbêdê, "*Các con có thể uống chén mà ta sắp uống không?*" là người đặt câu hỏi đi thẳng vào tâm điểm chức thánh và cuộc đời của tôi. Trong nhiều năm, khi cầm chén thánh đẹp để óng ánh trong tay, việc trả lời cho câu hỏi này hình như chẳng có gì là khó đối với tôi. Tôi, một linh mục vừa chịu chức, đầy ý tưởng và lý tưởng, cuộc đời hứa hẹn nhiều chuyện phong phú. Tôi háo hức uống chén này!

Ngày hôm nay, ngồi trước cái bàn thấp nhỏ, chung quanh tôi là các anh chị em bị khuyết tật, các trợ tá và người hướng dẫn họ, đưa cho họ rượu đựng trong chén bằng thủy tinh, câu hỏi đó trở thành một thách đố thiêng liêng. Tôi có thể, chúng ta có thể uống chén mà Đức Giêsu đã uống không?

Tôi còn nhớ cách đây vài năm, trong một thánh lễ có bài đọc mà Đức Giêsu đặt câu hỏi này. Lúc đó là 8 giờ rưỡi sáng, có vào khoảng hai mươi người trong cộng đồng Daybreak cùng xem lễ ở nhà nguyện dưới tầng hầm. Bỗng nhiên, các chữ "Con có thể uống chén này?" đâm xuyên qua tim tôi như mũi tên sắc bén của người thợ săn. Lúc đó tôi hiểu, như tia chớp khai sáng, nếu mình suy nghĩ sâu xa câu hỏi này, nó có thể làm thay đổi tận căn cuộc đời mình. Đó là câu hỏi có năng lực làm các tâm hồn chai đá mở ra và lộ trần các động lực của đời sống thiêng liêng.

"Con có thể uống chén này?" Uống cạn chén đắng? Con có thể ném cay đắng cũng như dịu ngọt? Con có thể sống đời của con đến tận cùng, cho dù thế nào? Tôi nhận ra đó là những câu hỏi thiết yếu.

Nhưng tại sao chúng ta phải uống chén này? Tại sao chúng ta phải dự phần vào đau khổ, lo lắng, bạo lực? Nên tìm đau khổ ít nhất và lạc thú nhiều nhất, đó có phải tốt hơn không?

Sau bài đọc, tự nhiên tôi cầm một trong các chén lớn để trên bàn, nhìn mọi người, trong đó có nhiều người bị khuyết tật nặng nề, tôi nói: "Chúng ta có thể cầm chén cuộc đời trong tay không? Chúng ta có thể nâng nó lên để mọi người cùng thấy, và chúng ta có thể uống đến tận cùng không? Uống chén, không phải là nuốt xuống những gì có trong chén, cũng như bẻ bánh, không phải chỉ là bẻ bánh ra bằng tay. Uống chén cuộc đời có nghĩa là cầm lấy chén, nâng chén lên và uống chén. Đó là sống đời sống sung mãn trọn vẹn, là cử mừng mình được làm người."

Chúng ta có thể cầm cuộc đời chúng ta trong bàn tay, nâng nó lên cao và uống chén như Đức Giêsu đã làm không? Chung quanh tôi, nơi một vài người, tôi thấy lóe lên tia sáng hiểu biết, và trong tôi, tôi có trực giác đó là sự thật. Câu hỏi của Đức Giêsu cho tôi một ngôn ngữ mới, với ngôn ngữ này tôi có thể nói về cuộc đời của tôi, cuộc đời của những người chung quanh tôi. Rất lâu sau buổi dâng lễ thường lệ này, tôi vẫn còn tiếp tục nghe câu hỏi của Đức Giêsu: "Con có thể uống chén mà Ta sắp uống không?" Chỉ cần để câu hỏi này len vào tâm hồn thì tôi cũng đã bối rối. Nhưng tôi biết, từ nay, tôi sống với tâm trạng bản khoãn này.

Quyển sách này là thành quả con đường thiêng liêng của tôi. Tôi hy vọng nó tiếp tay làm câu hỏi của Đức Giêsu thấm nhập vào các tâm hồn, để mỗi người tìm câu trả lời riêng cho mình. Ba chủ đề đột ngột đến với tôi vào buổi sáng trong nhà nguyện Dayspring là: cầm lấy, nâng lên và uống, đó là nền tảng việc khám phá các chân trời thiêng liêng cho câu hỏi mà Đức Giêsu đã đặt cho chúng ta.

PHẦN MỘT: CẦM LẤY CHÉN

CHƯƠNG 1: CẦM LẤY

Trước khi uống chén, trước hết ta phải cầm và giữ nó trong tay!

Tôi còn nhớ một buổi lễ gia đình ở Hòa Lan. Đó là dịp lễ đám cưới hay sinh nhật gì đó. Tôi là chú bé nhỏ nên không được phép uống rượu, nhưng tôi thích thú nhìn cách người lớn uống rượu. Sau khi đồ

rượu vào ly, cậu tôi cầm ly lên, hai bàn tay ôm lấy ly, lắc nhẹ để hương thơm của rượu bốc lên mũi, rồi, nhìn mọi người chung quanh, cậu nâng ly lên, nhấp một ngụm và kêu lên: "Ồ... thật ngon như rượu ngàn năm... cho tôi xem chai rượu... chắc chắn là rượu từ năm 1945!"

Đó là cậu Antôn, anh cả của mẹ tôi, linh mục, đức ông, có quyền trong nhiều địa phận, và rượu ngon được làm ở một trong các địa phận này. Mỗi lần cậu đến ăn tối với gia đình, thế nào cậu cũng không quên nói về một hay hai câu chuyện về rượu: "Rượu nồng, thật hết chỗ nói", hay "Thật không ngờ", hay "Rượu này chưa được chín lắm", hay "Rượu này mà có thịt nướng thì thật tuyệt", "Rượu này mà ăn với cá nướng thì hết chỗ chê". Cha tôi không thích các lời bình phẩm này, nhưng không ai dám nói ngược lại với cậu. Còn nhỏ, tôi cứ thắc mắc hoài về thủ tục uống rượu này. Anh em tôi thường hay chế nhạo cậu: "Cậu Antôn, cậu đừng đọc nhãn hiệu, cậu đoán xem rượu này ở đâu, sản xuất năm nào... Cậu là chuyên gia mà, phải không?"

Trong tất cả các chuyện này, một chuyện mà tôi còn giữ lại là: uống rượu không đơn giản chỉ là uống. Phải biết thưởng thức phẩm chất rượu và phải biết nói lên phẩm chất này. Cũng một cách như vậy, chỉ sống thôi chưa đủ. Một đời sống mà mình không suy nghĩ về nó là một đời không đáng sống. Bản chất tự nhiên của con người là chiêm nghiệm về đời sống, suy nghĩ về nó và định giá nó. Một nửa cuộc đời chúng ta là phải dùng để suy nghĩ về những gì chúng ta sống. Điều đó có đáng làm không? Có đúng không? Có sai không? Luôn luôn như vậy hay đời sống có gì tiến triển? Đời sống chúng ta hòa nhịp vào cái gì? Những niềm vui cũng như nỗi buồn lớn nhất không những có nguồn gốc trong các sự kiện mà cũng là, và có thể là trong cách chúng ta cảm nhận và diễn tả nó. Nghèo giàu, thành công thất bại, xấu đẹp không chỉ là những sự kiện của cuộc sống. Đó là những thực tế được sống một cách khác nhau bởi những người khác nhau, theo những hoàn cảnh khác nhau. Một người nghèo buồn bã khi so sánh với người hàng xóm giàu sẽ không thấy cái nghèo của mình cùng một cách như một người nghèo khác không có anh hàng xóm giàu nên không thường xuyên sống trong cảnh so sánh. Suy nghĩ là điều thiết yếu để lớn lên, phát triển và thay đổi. Đó là một đặc quyền mà chỉ có con người mới có thể dựa vào.

Cầm chén cuộc đời là nhìn cuộc đời bằng con mắt phê bình những gì chúng ta sống. Điều này đòi hỏi chúng ta can đảm, bởi vì có thể chúng ta sẽ hãi sợ khủng khiếp khi thấy những gì chúng ta thấy. Những câu hỏi mà chúng ta không thể trả lời có thể nảy sinh. Các nghi ngờ có thể tấn công chúng ta, các mối lo sợ mới có thể đe dọa chúng ta. Lúc đó chúng ta tự an ủi: "Đơn giản vui hưởng cuộc đời là đủ rồi. Tất cả suy nghĩ chỉ làm mọi sự thêm rắc rối". Dù vậy với trực giác, chúng ta biết rằng sống mà không suy nghĩ thì tâm hồn sẽ bị thu lại và làm chúng ta mất hướng đi. Cũng một cách ấy, nếu chúng ta uống ực một hơi, không dành thì giờ để nhìn lại ly rượu, không nâng ly lên để nghĩ trước khi uống thì chúng ta có thể say mà chưa nếm mùi rượu.

Cầm chén cuộc đời là một công việc đòi hỏi. Chúng ta là những con người khát lâu ngày, chỉ thích cầm chén lên uống cái ực. Nhưng chúng ta cần phải kèm giữ lại xung kích của mình, hai tay cầm vành chén và tự hỏi: "Ai cho tôi chén này? Có gì trong chén của tôi? Có tốt cho tôi không? Sau khi uống xong tôi có khác hơn không?"

Có vô số loại rượu cũng như có vô số loại cuộc đời. Không có hai cuộc đời giống nhau. Chúng ta thường so sánh đời mình với đời người khác, muốn biết xem đời mình khá hay tệ hơn, nhưng so sánh như thế chẳng giúp được gì. Chúng ta phải sống cuộc đời của mình chứ không sống cuộc đời của người khác. Chúng ta phải cầm chén riêng của mình. Chúng ta phải dám nói: "Đây là đời tôi, cuộc đời được trao ban cho tôi, tôi phải sống tốt nhất có thể. Đời tôi là duy nhất. Tôi có đời riêng, gia đình riêng, thể xác riêng, cá tính riêng, bạn bè riêng, cách suy nghĩ, hành động, phản ứng riêng. Đúng, tôi có cuộc

đời của riêng tôi để sống. Không một ai có cùng chung số phận. Rất nhiều người có thể giúp tôi, nhưng dứt khoát, chính tôi là người quyết định phải sống như thế nào".

Đó là một bước khó khăn cần vượt qua, bởi vì chúng ta chạm trán với nỗi cô đơn không hàn gắn được. Nhưng đó chính là thách thức phi thường mời gọi chúng ta trở thành con người cá biệt của mình.

Điều này nhắc tôi nhớ lại bức tượng tạc "Pumunangwet" của Philip Sears, ở viện bảo tàng Fruitlands, Harvard. Một thổ dân Mỹ, thân hình trắng kiêu, cao thon, nửa mình trên để trần, mặc khổ ngắn, tay trái cầm cung hướng về trời, tay mặt như theo chuyển động của mũi tên vừa bung ra hướng về các ngôi sao. Anh ta đầy tự tin vào mình, người vươn lên cao hướng về trời, chân bám chắc nịch vào lòng đất, ngấm xa hơn cả chính anh. Anh biết anh là ai và đó là những gì anh có thể làm. Anh tự hào là người chiến sĩ cô độc được gọi để thi hành một sứ vụ thiêng liêng.

Cũng như anh chiến sĩ này, chúng ta phải nhận lấy trọn vẹn con người của mình và từ đó chúng ta được gọi để sống, và để chúng ta cũng có thể nhắm đến các ngôi sao.

CHƯƠNG 2: CHÉN ĐĂNG

Lần đầu khi đến nhà Arche Daybreak, tôi thấy có đau khổ và nỗi buồn sâu xa ở đó.

Người ta nhờ tôi săn sóc Adam, một thanh niên hai mươi hai tuổi, không nói và không đi một mình được, anh hoàn toàn sống thu mình trong thế giới của anh. Lưng còng, anh lên cơn động phong mỗi ngày và thường xuyên có những cơn đau ruột. Khi người ta giới thiệu anh cho tôi, tôi sợ anh ta. Bao nhiêu là khuyết tật của anh làm cho tôi thấy anh xa lạ và đáng lo ngại.

Sau khi gặp Adam, tôi cũng có gặp em của anh là Michael. Michael có thể nói một chút, nhưng anh có thể đi đứng một mình và làm được một vài việc đơn giản, anh cũng bị khuyết tật nặng, và cần phải săn sóc thường xuyên. Adam và Michael là hai người con duy nhất của Jeanne và Rex.

Michael sống với gia đình đến hai mươi lăm tuổi, còn Adam thì đến mười tám tuổi. Jeanne và Rex muốn giữ các con ở nhà để tiếp tục săn sóc, nhưng thời gian và thử thách đã làm cho họ hao mòn sức lực. Lúc đó họ mới nhờ đến cộng đồng Arche giúp đỡ, hy vọng các con họ sẽ được săn sóc chu đáo.

Tôi xúc động sâu xa trước nỗi khổ của gia đình bé nhỏ này. Bốn người kiệt sức vì lo âu buồn phiền, vì sợ các biến chứng bất ngờ xảy ra, vì bất lực không thể nào đối thoại với nhau được, vì gánh nặng của trách nhiệm, vì tương lai bất định, và với thời gian, tình trạng chỉ càng ngày càng tệ hơn.

Nhưng đau khổ không chỉ dành riêng cho gia đình Adam. Còn có Bill, bị chứng teo bắp thịt, cần máy trợ tim và máy giúp đi nhờ, lúc nào anh cũng sợ bị té. Không một ai đến thăm anh và cha mẹ anh thì đã chết sớm.

Còn có Tracy, hoàn toàn bị tê liệt nhưng có một tinh thần linh hoạt, và đối với Tracy, diễn tả các tình cảm và các suy nghĩ của cô là một cuộc đấu tranh liên tục. Còn có Suzanne, khuyết tật tinh thần, bị quay cuồng vì các tiếng nói trong đầu mà cô không thể nào kiểm soát được. Còn có Loretta, có mặc cảm gia đình, bạn bè ruồng bỏ vì mình khuyết tật; cô đi tìm tình thương một cách tuyệt vọng, lại không

có khả năng để tự khẳng định mình nên cô bị suy thoái tinh thần một cách trầm trọng. Còn có David, Francis, Patrick, Janice, Carol, Gordie, George, Patsy... mỗi người một chén đắng.

Để săn sóc, có các anh chị đủ mọi lứa tuổi, mọi quốc tịch, mọi tôn giáo, họ tìm cách xoa dịu nỗi đau khổ của những người bệnh. Tuy thế, họ mau chóng thấy ra những vết thương bên ngoài lại che giấu các vết thương khác bên trong, ít thấy rõ hơn, nhưng cũng là những thực tại: các buồn phiền liên hệ đến gia đình tan rã, đến những nhu cầu giới tính không được thỏa mãn, đến cơn tuyệt vọng thiêng liêng, đến lo lắng trước cái chết sắp tới và nhất là, các quan hệ nhân bản ti tiện và hỗn loạn. Dù cho họ nhìn về quá khứ hay tương lai, chân trời vẫn u tối và hiện tại thì buồn xám.

Về phần tôi, các sự việc cũng không khác chi. Sau mười năm sống với họ, tôi trở thành quan tâm hơn đối với nỗi đau riêng của tôi. Có một thời kỳ, tôi tự nhủ: "Sang năm mình sẽ thấy việc này rõ hơn", hay "Có tuổi, nhu cầu cần được yêu thương của mình sẽ giảm đi".

Nhưng bây giờ, tôi biết các buồn phiền là của tôi và nó không rời tôi. Sự thật, tôi biết đó là những buồn phiền sâu xa và xưa cũ, và không một suy nghĩ tích cực hay lạc quan nào có thể làm biến mất đi được. Cuộc đi tìm tình yêu của tuổi vị thành niên vẫn luôn luôn còn đó; nhu cầu khẳng định chưa được toại nguyện của tuổi thanh xuân cũng vẫn còn sống động. Cái chết của mẹ tôi, của một số người thân và bạn bè trong những năm gần đây làm cho tôi đau buồn hoài. Còn buồn sâu đậm hơn, là tôi không trở thành con người như tôi mong muốn, không có được Chúa trong lòng, dù tôi đã sốt sắng cầu nguyện và đó là điều tôi ước muốn nhiều nhất.

Nhưng nỗi buồn phiền của cộng đồng nhỏ bé của tôi làm sao sánh với nỗi buồn phiền của cả thành phố, của cả xứ và của cả thế giới? Và nỗi buồn phiền của những người không nhà? Của những người trẻ chết vì bệnh sida? Rồi hàng triệu người trong nhà tù, trong viện dưỡng lão? Rồi những gia đình tan nát, những người thất nghiệp và vô số người khuyết tật không có nơi nương tựa như ở nhà Daybreak này?

Và khi nhìn ra khỏi biên giới thành phố, xứ sở tôi ở, cảnh tượng còn kinh khiếp hơn. Tôi thấy các trẻ em trên đường phố Sao Paolo, các em bé mãi dậm ở Bangkok, các tù nhân hốc hác ở Yougoslavie, các dân tộc đói khổ lang thang trong các sa mạc ở Éthiopie, ở Somalie. Tôi thấy hàng triệu khuôn mặt bị tàn phá vì đói, vì cô đơn, hàng ngàn xác chết chất đống vì chiến tranh tàn ác, vì nạn diệt chủng. Chén đắng này là của ai? Đó là chén của chúng ta, chén của đau khổ nhân loại. Bởi vì các nỗi buồn phiền thân thiết nhất của chúng ta cũng là nỗi buồn phiền chung của nhân loại.

Bây giờ tôi nhìn Con Người của đau đớn, Người treo trên thập giá, hai tay giang ra. Đó là Đức Giêsu bị Philatô lên án, bị lính La-mã đóng đinh, bị người Do-thái cũng như lương dân sỉ nhục. Nhưng đó cũng là số phận của chúng ta và của toàn nhân loại, ở mọi xứ sở, ở mọi thời kỳ, bị búng ra khỏi đất ở, bị làm trò cười cho cả thế giới thấy. Đức Giêsu đã nói: "Phần tôi, một khi được giương cao lên khỏi mặt đất, tôi sẽ kéo mọi người lên với tôi" (Ga 12:32).

Đức Giêsu, Người của đau khổ, và chúng ta, những người đàn ông đàn bà đau khổ, bị treo lên giữa trời và đất, kêu lên: "Lạy Chúa, lạy Chúa, sao Chúa bỏ con?"

Đức Giêsu hỏi các bạn của người: "Các con có thể uống chén Ta sắp uống?" Họ trả lời có, nhưng họ không có một khái niệm gì về những gì họ đang nói. Chén của Đức Giêsu là chén đau khổ, không phải chén của riêng Người, mà của cả toàn thể nhân loại. Đó là chén đầy đau khổ thể xác, tinh thần và thiêng liêng. Đó là chén của thiếu thốn, của bức hại, của cô đơn, của loại trừ, của bỏ rơi, của lo lắng.

Đó là chén đầy cay đắng. Ai muốn uống chén này? Tiên tri Isaia gọi đó là "chén phần nộ của Thiên Chúa ". "Từ tay Đức Chúa, người đã nhận, đã uống chén lôi đình, người đã cạn chén nồng choáng váng " (Is 51:17); đó là chén mà thiên thần thứ nhì trong sách Khải Huyền gọi là: "thứ rượu cuồng loạn " (Kh 14:8), thành Babylone đã cho mọi nước uống.

Khi đến lúc phải uống chén này, Đức Giêsu nói: "Tâm hồn Thầy buồn đến chết được " (Mt 26:38). Con hấp hối của người quá cực độ đến nỗi mồ hôi người như những giọt máu rơi xuống đất " (Lc 22: 44). Các bạn Giacôbê và Gioan, hai người mà Người hỏi họ có uống được chén Người sắp uống, đi theo Người nhưng họ đã ngủ, họ không còn sức để thức với Người, chia sẻ nỗi buồn và lo lắng của Người. Trong một lúc cô đơn cùng cực, Người té xuống đất và thốt lên lời cầu xin: "Lạy Cha, nếu được xin Cha cất chén này! " Đức Giêsu không thể nào đối diện với chén đắng. Thật quá đau khổ và quá lo lắng. Người không nghĩ sẽ có thể uống được chén đau khổ này.

Làm sao Người có thể nói vâng? Phải trả lời gì bây giờ? Dù bị đau khổ vì bị ruồng bỏ và bỏ rơi, Đức Giêsu luôn luôn kết hiệp mật thiết với Đấng mà Người gọi là "Abba " (tiếng "cha " trong nghĩa thân tình như tiếng "ba "). Lòng tin tưởng của người vượt quá thái độ bất trung, lòng tuân thuận vào tình phụ tử vượt quá tuyệt vọng, tình yêu vượt quá hãi sợ. Chính tình mật thiết vượt quá tất cả tình mật thiết của nhân loại này mà Đức Giêsu mới có thể xin Đấng đã gọi Người là "Con yêu dấu " cất chén đắng cho Người. Dù trong cơn lo lắng tột độ, mỗi dây liên hệ này không bị cắt đứt. Đó là mỗi dây không sờ và không nói lên bằng lời được, mỗi dây tuyệt vời và không hủy hoại được. Chính trong hiệp thông mật thiết với Cha mà Người chấp nhận uống chén đắng: "Nhưng xin đừng theo ý con, mà xin theo ý Cha " (Mt 26:39).

Đức Giêsu không nhường bước trước tuyệt vọng và không đẩy lui chén đắng. Người cầm chén chắc nịch trong tay, muốn uống đến giọt cuối cùng. Đó không phải là một hành vi biểu lộ ý chí trước thử thách hay biểu lộ tính anh hùng, nhưng hành vi xuất phát từ sâu thẳm tâm hồn, đó là tiếng "vâng " với Abba, thiết tha vì tình yêu của một quả tim tan vỡ.

Khi nghĩ đến quả tim đầy buồn phiền của tôi, nghĩ đến cộng đồng nhỏ bé với bao đau khổ của tôi, nghĩ đến những người nghèo trong các thành phố lớn mênh mông, nghĩ đến nỗi lo lắng vô biên của nhân loại, tôi tự hỏi: tiếng "vâng " phải đến từ đâu đây? Trong lòng tôi cũng như trong lòng những người khác, tôi nghe âm vang lời cầu xin: "Lạy Chúa, nếu được xin cất chén này cho con ". Tôi nghe lời cầu xin này trong tiếng nói của người trẻ tuổi bị bệnh sida đang đi ăn xin trên đường Yonge, trong tiếng khóc của các em bé bị đói, trong tiếng rên của các tù nhân bị tra tấn, trong tiếng kêu giận dữ của những người bị khai thác, trong vô vàn tiếng gọi kêu cứu hòa bình và công lý. Đó là lời cầu xin vang lên Thiên Chúa, không phải bằng hương trầm mà bằng lò lửa cháy rừng rực.

Như thế tiếng vâng sẽ đến từ đâu? "Nhưng xin đừng theo ý con, mà theo ý Cha ". Ai có thể nói vâng khi tiếng nói của tình yêu chưa được lắng nghe? Ai có thể nói vâng khi họ không có một người để kêu Cha? Ai có thể nói vâng khi họ không có một hy vọng để an ủi?

Giữa lời cầu xin lo lắng của Đức Giêsu, có một giai đoạn làm dịu lòng. Và chỉ trong Phúc âm của thánh Luca là có nhắc đến: "Bấy giờ có thiên sứ từ trời hiện đến tăng sức cho Người " (Lc 22: 43).

Trong đau khổ có an ủi, trong bóng tối có ánh sáng, trong tuyệt vọng có hy vọng, giữa thành Babylone có ánh sáng đến từ Giê-ru-sa-lem, giữa lực lượng của ma quỷ có thiên thần an ủi. Chén đắng chứa nỗi buồn phiền của chúng ta cũng là chén mang đến vui mừng.

CHƯƠNG 3: CHÉN VUI MỪNG

Sau sáu năm ở Daybreak, Adam, Michael, Bill, Tracy, Suzanne, Loretta, David, Francis, Patrick, Janice, Carol, Gordie, George và nhiều người khác nữa đã trở thành bạn của tôi. Còn hơn là bạn, vì trong đời sống hàng ngày, họ sống quá gần với tôi. Dù cho họ đã bị khuyết tật từ khi tôi biết họ, nhưng rất hiếm khi tôi nghĩ họ là người khuyết tật. Tôi nghĩ đến họ như người anh, người chị mà tôi cùng chia sẻ cuộc đời. Tôi cười, tôi khóc, tôi ăn uống, tôi đi xem phim, tôi cầu nguyện và dâng lễ với họ, tóm lại, tôi sống cuộc đời của tôi với họ. Và đúng ra, họ cho tôi một nguồn vui to lớn.

Sau khi săn sóc Adam vài tháng, tôi không còn sợ anh. Thức anh dậy, đánh răng, cạo râu, tắm, dọn bữa ăn sáng cho anh đã làm giữa tôi và anh có một mối dây thắt chặt - một dây liên hệ vượt qua ký hiệu của lời và của hành vi dùng để trao đổi - tôi bắt đầu nhớ anh khi chúng tôi không thể gặp nhau. Thời giờ tôi ở với anh là thời giờ cầu nguyện, thời giờ thỉnh lặng và thân tình trong bình an. Adam làm dịu tâm hồn tôi, đó là một người thương tôi và tin tưởng tôi, dù cho nước tắm có lúc quá lạnh có lúc quá nóng, dù cho tôi lỡ tay cạo râu làm anh chảy máu hay dù tôi mặc áo trái cho anh!

Các cơn động kinh của anh không còn làm cho tôi sợ. Nó chỉ bắt buộc tôi phải chậm nhịp làm việc, phải quên các việc làm khác để ở lại với anh, lấy mền dày đắp ấm cho anh. Bước đi chậm chạp và khó nhọc của anh làm tôi kiên nhẫn và có dịp ở gần anh, quàng tay qua người anh và nói với anh những lời khuyến khích. Khi anh làm đồ ly nước cam hay đồ đồ ăn xuống sàn, tôi không còn lo hoảng, tôi chỉ lẳng lặng đi chùi. Biết được Adam là một đặc ân đối với tôi. Ai có thể ở gần được một con người như tôi được ở gần Adam? Ai có thể ở hàng giờ mỗi ngày với một người hoàn toàn tin tưởng ở mình và mình cũng tin ở họ? Đó có phải là niềm vui không?

Và Michael, em của Adam: tình bạn của anh quá quý đối với tôi! Anh là người duy nhất trong cộng đồng gọi tôi là "cha Henri". Mỗi lần nói như vậy, nụ cười rạng rỡ trên khuôn mặt, như thử anh cũng muốn làm cha như tôi! Với giọng nói ngập ngừng và đứt quãng, anh lấy tay chỉ vào giầy choàng ở cổ tôi và lặp đi lặp lại không ngừng: "Con... con cũng... muốn... có... một... sợi... giây như... thế... cha ạ". Khi anh buồn vì thấy Adam đau hay một người bạn anh yêu thương đi xa, anh đến gặp tôi, vòng tay ôm tôi và để nước mắt chảy tự do. Một lúc sau, ôm vai tôi, khuôn mặt vui cười qua làn nước mắt, anh nói: "Cha là... một... người... cha... thiệt... vui!" Khi chúng tôi cầu nguyện chung với nhau, anh chỉ vào ngực và nói: "Con... con... cảm... thấy... một cái gì... ở đây... ở trong quả tim... của con". Và khi chúng tôi cầm tay nhau, một niềm vui bao la ôm lấy nỗi buồn đã cùng được chia sẻ của chúng tôi.

Bill, mà cuộc đời đầy khó khăn và đầy trở trêu của số phận, đã trở thành người bạn đồng hành đặc biệt của tôi. Anh thường theo tôi trong các buổi đi thuyết trình, từ Washington, New-York đến Los Angeles và các thành phố khác. Dù bất cứ đâu, sự hiện diện vui vẻ và đầy hiệu năng của anh còn có kết quả hơn là các lời nói của tôi. Bill rất thích kể chuyện tếu. Với một thái độ thoải mái tự nhiên, anh làm cho mọi người cười hàng giờ, người giàu hay nghèo, có chức vị hay không, Giám mục hay người đàn bà nội trợ, nghị viên hay anh gác thang máy. Đối với Bill, tất cả mọi người đều quan trọng và tất cả mọi người đều đáng được nghe những câu chuyện hài hước của anh! Nhưng có những lúc anh buồn, đó là khi anh nói về Adam, người không thể nào nói được, hay Tracy là người không thể nào đi được, anh bật lên khóc nức nở. Lúc đó anh ôm vai tôi, khóc không ngừng và không xấu hổ. Nhưng sau đó anh lấy lại nụ cười và hứng khởi ngay lập tức.

Tracy, mà nụ cười rạng rỡ khi có người đến thăm cô. Loretta, với các săn sóc dịu dàng đối với những người bệnh hơn cô. Lòng quan tâm của David, Janice, Carol, Gordie, George cho nhau và cho những người trợ tá. Họ đúng là những dấu hiệu đích thực của niềm vui.

Thật không ngạc nhiên khi thấy các thanh niên nam nữ trẻ khắp nơi trên thế giới muốn đến Daybreak để ở gần những người đặc biệt này. Đúng, họ đến để lo cho chính họ và để đáp ứng cho các nhu cầu riêng của họ. Nhưng họ ở lại vì những người họ săn sóc mang đến cho họ niềm vui và bình an mà họ không tìm ở đâu khác được. Không còn nghi ngờ gì, những người khuyết tật ở Daybreak làm cho họ đối diện với các khuyết tật riêng, các vết thương bên trong, các buồn phiền riêng của họ, nhưng niềm vui sống chung và chia sẻ các yếu kém của nhau làm cho các buồn phiền của họ không những dễ chịu đựng hơn, mà còn là nguồn của lòng biết ơn.

Riêng tôi, sống trong cộng đồng này là một nguồn vui vô biên, dù tôi chưa bao giờ đau khổ, chưa bao giờ khóc và chưa bao giờ lo lắng như thời gian ở Daybreak. Chưa có chỗ nào tôi ở mà tôi được nhắc lên như ở cộng đồng nhỏ bé này. Không thể nào che giấu tính sốt ruột, cơn giận dữ, các hụt hẫng, và tình trạng suy thoái tinh thần của tôi với những người có ý thức về các yếu kém riêng của họ. Ai cũng thấy rõ nhu cầu cần tình bạn, cần yêu thương, ước muốn được khẳng định và làm xong công việc của tôi. Tôi chưa bao giờ có kinh nghiệm sâu xa là bản chất đích thực của đời sống mục vụ là một người-với người khác, một chia sẻ nỗi thống khổ-với người khác. Chức tư tế của Đức Giêsu mô tả trong thư gửi cho tín hữu Do thái là tình đoàn kết với nỗi đau khổ của nhân loại. Chức linh mục ngày nay đặt tôi trước thách đố là không được tránh né các việc khó khăn, phải từ bỏ tháp ngà, ra sức nối liền tính mỏng giòn của tôi với tính mỏng giòn của những người chung sống với tôi. Và thật là một niềm vui toát ra từ đời sống đó! Niềm vui thuộc về, là một thành viên của cộng đồng, là không còn xa lạ.

Một cách nào đó, cuộc đời của tôi ở Daybreak cho tôi cặp mắt để nhìn niềm vui ở nơi mà người khác cho là buồn. Tôi không còn sợ hãi khi nói chuyện với một người lang thang gặp trên đường phố Toronto. Chủ đích cuộc gặp gỡ chắc chắn là vì tiền, nhưng sau đó chúng tôi mau chóng nói qua chuyện khác, nói đến các sự kiện trong đời sống, nói đến đời của nhau. Ánh mắt nhìn nhau, tay nắm tay, rồi, chẳng chờ đợi, chúng tôi cười với nhau: Một nụ cười! đó là giây phút vui thú đích thực. Bất hạnh không vì thế mà biến mất, nhưng có một cái gì đó thay đổi trong sự kiện tôi không còn đứng trước mặt họ, nhưng là ở gần họ, ở giữa họ và chúng tôi trao đổi những giây phút thoải mái, đơn giản được ở gần bên nhau.

Còn đau khổ không đo lường được của nhân loại trên thế giới thì sao? Niềm vui nào có thể có khi người ta còn chết đói, còn bị khai thác, sỉ nhục, đánh đập, bị giam tù? Làm sao người ta dám nói đến vui vẻ khi đứng trước vực thẳm vô đáy của bất hạnh?

Dù vậy, đau khổ vẫn còn đó! Cho những ai có can đảm thâm nhập sâu xa trong nỗi đau khổ của nhân loại, thì ở đó họ có niềm vui che giấu như một vật quý để trong tường của một hầm kín. Đó là một thực tế mà tôi đã chứng kiến khi sống trong một gia đình rất nghèo ở Pamplona Alta, thành phố ổ chuột ngoại ô Lima, Pérou. Cái nghèo nàn khốn khổ này còn tệ hơn tất cả những gì tôi thấy trước đây, nhưng khi nhớ lại ba tháng ở chung với Pablo, Maria và các con của họ, tôi nhớ các kỷ niệm đầy ắp tiếng cười, vòng tay ôm, các trò chơi đơn sơ và các buổi tối ngồi kể cho nhau nghe đủ chuyện. Niềm vui đích thực là ở đó, một niềm vui không dính với thành công xã hội, của cải vật chất, cũng không xây dựng trên hy vọng sẽ thoát khỏi cảnh nghèo. Niềm vui này đến từ nguồn suối thiêng liêng không bao giờ cạn, dù cho nó cùng cực đau khổ. Cô con gái của một người bạn ở New-York, cô làm việc ở Rwanda một năm, cũng nói không những cô thấy tuyệt vọng mà còn thấy hy vọng, can đảm, ân cần, tương trợ. Cô bị xao động sâu xa vì những gì cô thấy, nhưng không vì vậy mà cô bị thương tổn. Ngược lại, kinh nghiệm này làm tăng thêm lòng quyết tâm làm việc liên tục cho công lý và hòa bình.

Niềm vui và buồn phiền không bao giờ lia nhau. Trong chén cuộc đời, hạnh phúc và bất hạnh, lạc thú và ưu phiền, vui sướng và tang tóc trùng tréo nhau. Nói cách khác, chén này thật khó uống. Chính vì thế mà chúng ta phải cầm chén một cách cẩn thận, tìm niềm vui che giấu trong buồn phiền.

Chúng ta có thể thấy Đức Giêsu là Người của niềm vui không? Thân hình bị tra tấn, trần truồng, bị treo, hai tay đóng đinh vào thập giá không phải là một chuyện vui. Tuy nhiên, thập giá của Đức Giêsu thường là dấu hiệu tượng trưng cho ngai vinh quang. Trên ảnh thánh giá, thân hình Đức Giêsu không phải là thân hình của người bị đánh đập, bị cực hình nhưng là thân hình đẹp sáng rọi mà các vết thương là những vết thương thiêng liêng.

Ảnh tượng ở San Damiano là một ví dụ, ảnh tượng mà thánh Phan Sinh hay gọi bằng tên và nói chuyện với người. Ảnh tượng cho thấy một Đức Giêsu bị đóng đinh nhưng chiến thắng. Bờ thập giá được bao bằng vàng lộng lẫy, thân hình của Đức Giêsu đẹp tuyệt hảo, không mang dấu vết của tra tấn, thanh ngang thập giá là hình tấm mộ được mở ra nơi Đức Giêsu sống lại, Mẹ Maria, thánh Gioan và những người ở chung quanh người bên cây thập giá đều hân hoan. Trên đỉnh cột thập giá là hình ảnh các thiên thần bao quanh Thiên Chúa, Đấng đang đưa tay vẫy gọi Đức Giêsu về trời...

Thập giá này cũng là thập giá của Sống Lại, tượng trưng cho Đức Giêsu trong vinh quang. Các lời của Đức Giêsu: "Phần tôi, một khi được giương cao lên khỏi đất, tôi sẽ kéo mọi người lên với tôi" (Ga 12:32) không những dựa vào việc đóng đinh mà còn dựa vào sự sống lại. Được giương cao, không phải chỉ muốn nói được giương cao lên trên thập giá, nhưng là còn giương cao lên bằng sự sống lại. Đó vừa là dấu hiệu của khổ tâm vừa là dấu hiệu của toại tâm.

Đức Giêsu nói điều này rất rõ: "Nhu ông Môsê đã giương cao con rắn trong sa mạc, Con Người cũng sẽ phải được giương cao như vậy, để ai tin vào Người thì sẽ được sống muôn đời" (Ga 3:13-14). Những gì Môsê giương cao như cờ hiệu trong sa mạc, là con rắn bằng đồng có khả năng chữa các vết thương do rắn cắn nếu người bị thương nhìn vào đó (Đnl 21:8-9). Thập giá của Đức Giêsu là cờ hiệu có khả năng chữa lành cho chúng ta khỏi sự chết. Thiên Chúa "giương cao" kéo tất cả nhân loại về với Người trong đời sống vĩnh cửu. Đức Giêsu, Đấng đã kêu: "Lạy Thiên Chúa, lạy Thiên Chúa của con, sao Ngài bỏ rơi con?" (Mt 27:47) cũng là Đấng từ bỏ mình trong tin tưởng: "Lạy Cha, con xin phó thác hồn con trong tay Cha" (Lc 23:46). Đức Giêsu muốn chúng ta thông dự hoàn toàn vào nỗi khổ của người, người cũng muốn chúng ta tham dự trọn vẹn vào niềm vui của người. Đức Giêsu, Người của niềm vui, muốn chúng ta là dân của niềm vui.

"Con có thể uống chén mà Ta sắp uống không?" Sau khi đặt câu hỏi này cho Giacôbê và Gioan và được nghe câu trả lời tự phát: "Thưa được", Đức Giêsu nói lời tiên đoán khủng khiếp, nhưng cũng đầy tràn hy vọng: "Chén Thầy uống, anh em cũng sẽ uống". Chén của Đức Giêsu sẽ là chén của họ. Những gì Đức Giêsu sẽ sống, họ sẽ sống. Đức Giêsu không muốn các bạn của người đau khổ, nhưng người biết rằng, đối với họ, đau khổ là con đường duy nhất và cần thiết dẫn đến vinh quang. Sau này, người nói với hai trong các môn đệ của người: "Nào Đấng Kitô lại chẳng phải chịu khổ hình như thế rồi mới vào trong vinh quang của Người sao?" (Lc 24:26) Buồn phiền và ui mừng không thể rời nhau. Đức Giêsu biết điều đó, ngay cả trong cơn lo lắng ở trong vườn Giết-sê-mani, khi tâm hồn Người "buồn đến chết được" (Mt 26:38), Người nhờ đến thiên thần từ trời xuống để an ủi. Chén của chúng ta thì đầy buồn phiền mà niềm vui hầu như không với tới được. Khi rượu đang còn ở trong thùng ép, người ta không biết rượu sẽ ra như thế nào. Buồn phiền làm chúng ta kiệt sức, làm chúng ta té xuống đất, đổ mồ hôi máu. Chính lúc đó chúng ta phải nhớ chén buồn phiền của chúng ta cũng là chén vui mừng, và một ngày nào đó, chúng ta cũng sẽ nếm được niềm vui trọn vẹn như chúng ta đang nếm đau khổ bây giờ.

Sau khi thiên thần xuống an ủi, Đức Giêsu đứng dậy, đối diện với Giuđa và quân lính đến bắt Người. Nhìn những gì đang xảy ra, Phêrô tuốt gươm ra và hành hung người đầy tớ vị thượng tế. Đức Giêsu nói với Phêrô: "Hãy xỏ gươm vào bao. Chén đắng Chúa Cha đã trao cho Thầy, lẽ nào Thầy chẳng uống?" (Ga 18:11)

Đến lúc này, Đức Giêsu không còn bị lo lắng. Người đứng trước kẻ thù với một thái độ cao cả và bình tâm. Người cảm chén đầy buồn phiền nhưng cũng đầy niềm vui. Niềm vui biết những gì người làm là vâng theo ý Cha và hoàn thành sứ mệnh của Người. Thánh Gioan mô tả cho chúng ta thấy sức mạnh tinh thần phi thường của Người trong giây phút này: "Đức Giêsu biết mọi việc sắp xảy đến cho mình, nên tiến ra và hỏi: "Các anh tìm ai?" Họ đáp: "Tìm ông Giêsu Nadarét". Người nói: "Chính tôi đây "... thì họ lùi lại và ngã xuống đất " (Ga 18:4-6).

Tiếng vâng không điều kiện của Đức Giêsu với Chúa Cha đã cho người sức mạnh để uống chén, không phải trong thái độ thụ động cam chịu, nhưng tin chắc giờ chết sẽ là giờ vinh quang. Tiếng vâng tuân thuận là hành vi sáng tạo, một hành vi mang nhiều thành quả. Tiếng vâng cất bỏ được số mệnh phủ phàng: sứ mệnh của Người được tiếp tục. Thay vì một kết thúc không tránh được, thì cái chết của Người trở thành khởi đầu của một đời sống mới. Tiếng vâng là lời loan báo hạt giống gieo vào lòng đất sẽ cho một mùa gặt dồi dào.

Niềm vui giấu trong nỗi buồn! Tôi biết điều này qua các giây phút suy thoái của tôi. Tôi đã học điều này khi sống gần những người khuyết tật. Tôi đã thấy điều này trong ánh nhìn của những người đau khổ: những người bệnh, những người nghèo giữa những người nghèo. Chúng ta quên sự thật này và lúc đó tất cả đau khổ mà chúng ta chịu đựng làm chúng ta kiệt sức. Chúng ta đứng trước một thực tế duy nhất.

Chúng ta phải nhắc nhau là những gì làm chúng ta khổ có thể trở thành miếng đất màu mỡ cho hạnh phúc. Đứng ra, chúng ta phải là thiên thần của nhau để an ủi nhau. Chính khi chúng ta cùng mang đến sức lực hỗ trợ cho nhau, an ủi nhau là chúng ta hiểu được chén của chúng ta vừa chứa đựng niềm vui và nỗi buồn, và khi đó chúng ta sẽ chấp nhận uống chén.

PHẦN HAI: NÂNG CHÉN LÊN

CHƯƠNG 4: NÂNG LÊN

Phong cách đẹp và phép lịch sự là những điều rất quan trọng trong gia đình chúng tôi, đặc biệt là khi ngồi vào bàn ăn.

Trong phòng đợi của gia đình tôi có treo một cái chuông to. Mười phút trước khi ăn, cha tôi lắc mạnh chuông và loan báo: "Đến giờ ăn, mọi người đi rửa tay".

Có nhiều "tội nhỏ nhỏ trên bàn ăn": để cùi chỏ trên bàn, để thức ăn đầy trên muống nĩa, ăn quá nhanh, nhai ồn ào, nhai không khép miệng, không dùng nĩa và dao để ăn thịt, cắt bún spaghetti bằng dao. Các bữa ăn của chúng tôi thường gián đoạn vì những lời răn của cha tôi: "Không để cùi chỏ lên bàn", "Chờ tất cả mọi người vào bàn rồi mới được ăn", "Không được nói khi miệng đầy thức ăn".

Khi cha cho chúng tôi được phép uống rượu, đó là dấu hiệu chúng tôi đã là người lớn. Năm 1950, khi tôi mười tám tuổi, uống rượu còn là một chuyện sang trọng. Ở Pháp và Ý, uống rượu trong bữa ăn là chuyện bình thường, nhưng ở Hòa-Lan, rượu dành cho những dịp lễ lớn. Như thế khỏi cần phải nói, uống rượu cần có một số thủ tục: ném để biết chắc đó là rượu ngon, ngửi rượu, nói về rượu, và dùng ly thích ứng cho từng loại rượu - rót một nửa để còn "hít" rượu - và, điều quan trọng nhất là nâng cốc chúc mừng.

Không một ai được uống trước khi mọi người đều có đủ rượu trong ly, cha tôi nâng ly lên, nhìn từng người trong bàn ăn, nói một lời chào mừng và nhấn mạnh đến buổi lễ đặc biệt này. Lúc đó, cầm ly trên tay, ông chạm vào ly của mẹ tôi và của các khách, sau đó ông uống một chút. Lúc đó cũng là giây phút quan trọng, gần như linh thiêng. Sau này, khi người ta không còn quan tâm đặc biệt nhiều đến rượu, khi các ly được rót đến tràn, khi người ta uống mà không nâng ly lên và không chúc mừng, tôi luôn luôn cảm thấy thiếu một cái gì, dù cho một cái gì đó đã mất.

Nâng chén lên là lời mời nhấn mạnh và chúc mừng sự kiện được cùng ở chung với nhau. Khi chúng ta nâng chén lên, nhìn vào mắt nhau, chúng ta muốn nói: "Đừng lo âu, mình đón tiếp nhau. Đừng sợ chạm trán với cuộc đời và hãy khuyến khích nhau mên chuộng những gì cuộc đời dành cho chúng ta".

Tất cả các ngôn ngữ đều có một công thức để cụng ly, để chúc sức khỏe, tiếng la tinh là "Prosit"; tiếng Đức là "Zum Wohl"; tiếng Hòa-lan là "Op je gezondheid", tiếng Anh là "Cheers", tiếng Pháp là "À votre santé", tiếng Ý là "Alla tua salute" Tiếng Do thái là: "L'chaim": Mừng cuộc đời! Có thể đó là lời chúc hay nhất. Chúng ta cùng nâng chén cuộc đời, để khẳng định cùng sống với nhau, cùng dâng mừng cuộc đời như quà tặng của Thiên Chúa. Khi chúng ta có thể cảm chắc chén của mình, chén đầy buồn phiền và niềm vui lẫn lộn, nhận biết đó là cuộc đời chúng ta và là cuộc đời duy nhất chúng ta có, lúc đó chúng ta có thể nâng chén lên cho những người khác cùng thấy, để họ có can đảm nâng chén của họ lên. Như thế, khi chúng ta cùng nâng chén lên, không e ngại, chúng ta nói sẽ nâng đỡ nhau trên con đường đi chung, thế là chúng ta đã tạo một cộng đồng.

Trong một cộng đồng, không phải chỉ có tuyền những chuyện hòa hợp, cũng không phải lúc nào cũng dễ. Nhưng kết hợp giữa những người trong cộng đồng được, là do chúng ta tin rằng chúng ta không sống đơn độc, chúng ta chấp nhận đời sống là hỗn hợp của thành công thất bại, của những lúc thăng lúc trầm. Các vết thương cá nhân, gần như không thể chịu đựng, nếu chúng ta sống một mình, thì sẽ trở thành nguồn chữa lành, nếu chúng ta sống trong cộng đồng huynh đệ, thân tình, và cùng săn sóc lẫn nhau.

Cộng đồng như khảm đá ghép. Trước khi ghép lại các mảnh, mỗi mảnh gần như chẳng có gì đáng kể, đủ màu, đủ hình thức, mảnh này đẹp, mảnh kia nhạt, mảnh này có vẻ quý, mảnh kia thấy chẳng có giá trị, mảnh này có vẻ phô trương, mảnh kia kín đáo. Để riêng từng mảnh đá, thì mình không thể làm gì được với nó, nếu không là chỉ để so sánh cái đẹp và giá trị của nó. Nhưng khi tất cả các viên đá nhỏ này ghép lại với nhau để thành một bức tranh ghép, bức tranh tượng trưng cho hình ảnh của Đức Giêsu, thì ai còn nghĩ đến chuyện quan trọng của viên đá này hay viên đá kia? Chỉ thiếu một mảnh, dù cho chẳng đáng kể, thì khuôn mặt không toàn vẹn. Đối với tâm khảm ghép, mỗi mảnh nhỏ đều cần thiết và đều dự phần vào tính độc đáo riêng của vinh quang Thiên Chúa. Đó cũng là một cách mà cộng đồng nhân loại, kết hợp chứ không chia rẽ, làm cho bộ mặt của Thiên Chúa thấy được trong thế gian.

Chúng ta "nâng" đời sống chúng ta lên mỗi lần chúng ta nói và hành động cho nhau. Một khi "cầm" được đời sống trong tay, chấp nhận trọn vẹn, đời sống của chúng ta trở thành đời sống cho người khác. Lúc đó, chúng ta không còn so sánh, không còn hỏi xem đời mình tốt hơn hay xấu hơn, bởi vì khi sống

cho người khác, không những mình khẳng định cá thể của mình, mà chúng ta còn nhận thấy vai trò không thể thay thế được của mình trong bức khảm ghép của gia đình nhân loại.

Chúng ta hay có khuynh hướng giấu đời sống của mình. Xấu hổ, mặc cảm tội lỗi ngăn chúng ta tỏ cho người khác biết chúng ta là ai và chúng ta sống như thế nào. Chúng ta nghĩ, nếu gia đình, bạn bè biết các xáo trộn trong tâm hồn, các tư tưởng u tối lay chuyển mình thì chắc chắn họ sẽ chối bỏ mình! Nhưng có thể điều ngược lại lại là đúng. Nếu chúng ta mở lòng ra với bạn bè, thì họ, họ cũng sẽ nói cho chúng ta những tư tưởng lo âu thâm kín của họ. Các việc chữa lành lớn nhất xảy đến khi chúng ta bẻ gãy được việc khép kín mình vào trong xấu hổ và mặc cảm tội lỗi. Thường thường, chúng ta sẽ thấy người khác cũng cảm nhận những gì như chúng ta cảm nhận, nghĩ những gì như chúng ta nghĩ, họ cũng có những lo sợ, e ngại, bất mãn như chúng ta có.

Nâng chén lên có nghĩa là chia sẻ đời sống, để chúng ta có thể yêu mến các việc làm tốt của nhau. Khi chúng ta tin chắc chúng ta được gọi để sống cho nhau, thì, với tất cả lòng tin, chúng ta sẽ tạo cơ hội để người khác biết chúng ta. Đó là cộng đồng xây dựng trên cõi mở và chia sẻ, để từ đó chúng ta có thể uống, và cạn chén của mình. Trong một cộng đồng như vậy, khi chúng ta nâng chén lên và nói: "Mừng cuộc đời!", chính là cuộc đời "thật" mà chúng ta muốn nói đến, chứ không phải chỉ những gì đau đớn và buồn phiền, nhưng còn là vui tươi và thích thú.

CHƯƠNG 5: CHÉN CHÚC PHÚC

Nâng chén lên là chúc phúc, là hiệp thông với ơn thánh. Chén buồn phiền và chén vui tươi trở thành chén chúc phúc khi được nâng lên vì hạnh phúc của người khác.

Có một giai thoại để lại ấn tượng mạnh trong lòng tôi về đề tài này. Cách đây vài năm, một trong những người thường trú ở Daybreak, anh Trevor, phải nhập viện để khám bệnh tâm thần. Khi thấy tôi đến thăm, với nụ cười rạng rỡ trên môi, anh chạy đến chào tôi. Sở thích lớn nhất của anh là hái cho tôi những bó hoa dại. Anh hay xin tôi tham dự thánh lễ do tôi cử hành: phải nói là anh có một năng khiếu về lễ lạc và nghi thức.

Trong thời gian anh ở bệnh viện, tôi muốn đến thăm anh thường xuyên nên điện thoại đến vị tuyên úy bệnh viện hỏi xem tôi có được đến thăm bạn tôi không. Cha trả lời được và nhân tiện mời tôi đi với người đến gặp vài vị linh mục và vài nhân viên trong bệnh viện, sau đó cùng ăn tối ở bệnh viện. Tôi vui vẻ nhận lời mà không suy nghĩ gì đến các sự việc liên hệ đến lời mời này.

Khi đến nơi, tôi được một cộng đồng nhỏ tiếp đón nồng hậu. Tôi tìm Trevor nhưng không thấy anh. Tôi lo lắng hỏi: "Trevor không ở đây à?" Cha tuyên úy trả lời: "Cha sẽ gặp anh sau bữa ăn tối". Ngạc nhiên, tôi hỏi lại: "Thế cha không mời anh ấy à?" Người trả lời: "Không, không. Nhân viên và bệnh nhân không ăn chung với nhau. Hơn nữa chúng tôi đã dành riêng phòng danh dự cho dịp này và bệnh nhân không được vào đây. Đó là phòng dành cho nhân viên". Tôi đáp lại: "Trevor và tôi là bạn thân với nhau. Chính vì anh mà tôi tới đây, và tôi tin anh sẽ sung sướng được ăn chung với chúng ta". Sau vài tiếng thì thăm, vài ánh mắt kín đáo trao đổi và do dự, cuối cùng họ đồng ý để Trevor ngồi bàn với tôi.

Tôi tìm thấy Trevor ở ngoài sân bệnh viện, anh hái hoa như thường lệ. Nhìn thấy tôi, mặt anh rạng rỡ lên, anh chạy đến tôi như chúng tôi chưa từng xa nhau: "Henri! Con có mấy cái hoa cho cha". Chúng

tôi cùng vào phòng. Bàn ăn trình bày thật đẹp, có khoảng hai mươi lăm người ngồi chung quanh bàn, Trevor và tôi là những người cuối cùng ngồi vào bàn. Sau khi đọc kinh trước bữa ăn, Trevor đứng dậy tiến đến bàn đựng thức uống và xin một ly coca-cola. Tôi rót cho anh một ly, còn tôi một ly rượu, xong, tôi trở về bàn.

Mọi người nói chuyện. Nhiều người chưa bao giờ gặp nhau và bắt đầu làm quen với nhau. Không khí yên lặng, có phần long trọng. Say sưa nói chuyện với người ngồi bên tay mặt, tôi không chú ý đến Trevor. Bỗng nhiên, anh đứng dậy, cầm ly coca-cola trên tay, đứng dậy, nở một nụ cười vui tươi, anh lên tiếng lớn: "Thưa quý ông, quý bà... xin mọi người cùng ly!" Mọi người im bật, quay lại nhìn anh, nửa ngạc nhiên, nửa lo lắng. Tôi có thể đọc trong ý nghĩ của họ: "Quý thần ơi, anh làm gì đó? Coi chừng anh này..." Còn phần Trevor, anh chẳng có chút lo lắng gì. Nhìn mọi người một vòng, anh nói: "Xin quý vị nâng ly!" Tất cả mọi người nâng ly. Và rồi, như một việc tự nhiên, anh bắt đầu hát: "Khi bạn sung sướng, và bạn biết bạn sung sướng... bạn hãy nâng ly lên! Khi bạn sung sướng, và bạn biết bạn sung sướng... bạn hãy nâng ly lên! Khi bạn sung sướng, và bạn biết bạn sung sướng... bạn hãy nâng ly lên! Khi bạn sung sướng, và bạn biết bạn sung sướng, bạn hãy nâng ly lên! Khi bạn sung sướng, và bạn biết bạn sung sướng, bạn hãy nâng ly lên!" Nghe anh hát vui vẻ như thế, mọi người bắt đầu thoải mái cười. Một lát sau, có người bắt đầu hát theo anh, và chẳng mấy chốc, mọi người đứng dậy cùng hát dưới sự điều khiển của anh.

Lời mời cùng ly của Trevor đã biến đổi hoàn toàn không khí phòng khách danh dự của bệnh viện. Anh làm cho những người còn xa lạ với nhau xích lại gần nhau, và làm cho họ cảm thấy tự nhiên như ở nhà họ. Nụ cười tươi và niềm vui của người thích nhậu của anh, làm xóa hàng rào ngăn cách và tạo một không khí vui vẻ cho buổi họp mặt giữa những người dễ thương và có lòng tốt. Hành vi đơn sơ đáng mừng hạnh phúc được ở cùng nhau làm cho buổi gặp gỡ vui tươi và phong phú. Chén buồn phiền và chén vui mừng trở thành chén chúc phúc.

Nhiều người cho mình là nạn nhân bất hạnh của trời vì bệnh tật, tang tóc, khuyết tật, bất hạnh mà họ phải chịu. Họ nghĩ rằng chén của họ không có một chút gì là phúc lành, họ gán cho Chúa số phận của họ. Đó là chén mà tiên tri Giêrêmia nói: "Thật vậy, Đức Chúa, Thiên Chúa Itx-ra-en, phán với tôi như sau: Người hãy cầm lấy từ tay Ta chén rượu tức là cơn lói đình, và người hãy bắt mọi dân tộc mà Ta sai người đến phải uống chén ấy. Chúng sẽ uống vào, sẽ lão đảo và hóa ra điên dại, vì lưới gươm mà chính Ta sẽ gởi cho chúng (...) Người sẽ nói với chúng: Đức Chúa các đạo binh, Thiên Chúa Ítx-ra-en phán như sau: Hãy uống cho say! Hãy mưa ra và ngã vật xuống, không còn chỗi dậy nổi trước lưới gươm mà chính Ta phóng vào giữa các người. Nếu chúng từ chối không nhận lấy chén từ tay người mà uống, thì người sẽ bảo chúng: Đức Chúa các đạo binh phán như sau: Thế nào các người cũng phải uống! Vì này, cả chính thành kê cầu danh Ta, Ta còn gieo tai giáng họa, thì huống hồ các người? Không! Các người không được yên đâu, vì chính Ta cho phóng gươm để trừng phạt mọi dân cư trên cõi đất " (Gr 25:15-16, 27-29).

Không ngạc nhiên khi chẳng có ai đến gần vị thần hay trả thù của tiên tri Giêrêmia mô tả. Người ta không thấy ở đó lời chúc phúc nào cả. Nhưng trong bữa ăn cuối cùng, trước hôm chết, Đức Giêsu cầm chén chúc phúc, chứ không phải chén giận dữ. Đó là chén giao ước mới và vĩnh cửu, chén kết hợp chúng ta với Thiên Chúa và với nhau trong cộng đồng tình yêu. Thánh Phaolô viết cho tín hữu Côrintô: "Tôi nói với anh em như với người khôn ngoan hiểu biết, anh em hãy tự mình suy xét điều tôi nói: Khi ta nâng chén chúc tụng mà cảm tạ Thiên Chúa, há chẳng phải là dự phần vào máu Đức Kitô ư?" (1Cr 10:15-16)

Đau khổ của nhân loại có thể được nhận thấy một cách rõ ràng là dấu hiệu giận dữ của Thiên Chúa, người ta thường hiểu như vậy và người ta còn tiếp tục hiểu như vậy. Giống như người viết thánh vịnh viết: "Chỉ Thiên Chúa mới là thẩm phán, Chúa hạ bệ người này, cân nhắc kẻ kia " (Tv 75:8). Chính chúng ta cũng vậy, đứng trước những việc kinh hoàng xảy ra trên thế giới, chúng ta đã chẳng nói: "Làm sao một Thiên Chúa yêu thương lại có thể chấp nhận những chuyện như vậy xảy ra? Chỉ có một Chúa hung ác và hận thù mới có thể làm như vậy "

Tuy nhiên, Đức Giêsu, ôm lấy tất cả đau khổ nhân loại làm của mình và dâng trên thập giá, không phải như lời chúc dữ mà là lời chúc lành. Đức Giêsu biến chén giận dữ thành chén chúc phúc. Đó là mầu nhiệm của phép Thánh Thể. Đức Giêsu chết để chúng ta được sống. Người đổ máu ra để chúng ta biết được có một đời sống mới. Người phó mình để chúng ta có thể sống với nhau trong cộng đồng. Người là thức ăn và của uống cho đời sống vĩnh cửu. Đó là những gì Đức Giêsu muốn nói khi người cầm lấy chén và đọc: "Chén này là giao ước mới, lập bằng máu của Thầy, máu đổ ra vì anh em " (Lc 22: 20). Phép Thánh Thể là mầu nhiệm thiêng liêng, biến thành phúc lành những gì mà chúng ta cho là bất lành. Đau khổ của chúng ta không còn là hình phạt của trời. Đức Giêsu đã làm đau khổ thành con đường tiến đến một đời sống mới. Máu của người, và cũng là của chúng ta, bây giờ có thể trở thành máu từ đạo, chứng nhân của một giao ước mới, một hiệp thông mới, một cộng đồng mới.

Khi chúng ta nâng chén cuộc đời và cùng chia sẻ với những người chung quanh nỗi đau khổ, niềm vui của chúng ta, cùng chấp nhận nhau là những người mỏng giòn, thì giao ước mới thể hiện rõ giữa chúng ta. Điều bất ngờ trong tất cả các việc này: người nhỏ nhất trong chúng ta thường là người cho chúng ta thấy chén chúng ta là chén chúc lành.

Trevor đã làm những gì mà chưa ai khác làm. Anh đã biến một nhóm người xa lạ thành một cộng đồng tình yêu, bằng hành vi thánh thiện tự nhiên của anh. Con người hiền lành và không e dè trở thành Đức Giêsu sống động giữa chúng ta. Chén chúc phúc là chén mà những người khiêm hèn cho chúng ta.

CHƯƠNG 6: CHO CUỘC ĐỜI

Chúng ta nâng chén của mình lên để cùng mở lòng ra với cuộc đời.

Ở Daybreak, dâng mừng đích thực là một phần đời sống cộng đồng. Chúng tôi mừng lễ kỷ niệm, mừng những người mới tới, những người ra đi, sinh nhật và tưởng niệm, khăn dòng hay tái khăn dòng.

Các ngày lễ cũng rất nhiều, đánh dấu những biến cố vui vẻ và thường có các mục để vui chơi: ăn uống, ca hát, nhảy, hoạt náo, vui cười, các bài diễn văn tùy theo dịp. Nhưng dâng mừng không đơn giản chỉ là một ngày lễ. Đối với mỗi người trong chúng tôi, đó là một dịp đánh dấu bởi cuộc lễ ghi nhớ một biến cố vui hay buồn, và để chúng tôi thắt chặt mối dây quan hệ với nhau. Để dâng mừng, phải nâng chén cuộc đời của mình lên cho mọi người thấy, xác định nó trong thực tế và để biết ơn những gì cuộc đời mang đến cho mình.

Một trong các lễ dâng mừng thật cảm động là dịp ra mắt sách "Quyển sách câu chuyện cuộc đời" của Bill. Một quyển sách gom lại các hình ảnh, hình vẽ, các sự việc, các thơ trao đổi, đại loại như một quyển tiểu sử. Khi Bill đến Daybreak, anh mới mười sáu tuổi, gia tài kỷ niệm của anh chẳng có bao nhiêu. Tuổi thơ ấu của anh bị xao động và thiếu tình thương. Quá khứ đau thương nhưng anh quên nó. Đó là một con người không có quá khứ.

Nhưng hai mươi lăm năm sống ở Daybreak làm cho anh dần dần trở thành một con người khác hẳn. Anh có nhiều bạn. Anh giao thiệp thân mật với một gia đình, anh có thể đến thăm họ vào dịp cuối tuần và những ngày lễ, anh vào câu lạc bộ chơi bowling, anh học làm đồ gỗ, anh đi du lịch khắp nơi với tôi. Qua năm tháng, anh xây dựng một đời sống đáng để nhớ lại. Anh có được một tự do nội tâm, nơi anh vin vào để có can đảm nhớ lại những kỷ niệm đau đớn tuổi thơ ấu và nhận biết cha mẹ sinh ra anh, họ đã yêu thương anh, mặc dù họ có những giới hạn của họ. Bây giờ, anh có một cuộc đời đẹp để kể. Nhiều bạn bè viết cho anh cảm nghĩ của họ về anh, một vài người gửi hình hay những bài báo nói về những việc mà họ có tham dự, người khác vẽ tranh diễn tả tình yêu của họ đối với anh. Sau sáu tháng làm việc, quyển sách đã xong và bây giờ là lúc dâng mừng, không phải chỉ vì quyển sách, nhưng quyển sách là dấu hiệu tượng trưng cho đời sống của Bill.

Nhân dịp này, nhiều người đến nhà nguyện, là nơi tổ chức để dâng mừng với Bill. Anh cầm quyển sách trên tay, nâng lên cho mọi người cùng thấy. Đó là quyển album đẹp, làm rất tỉ mỉ và có nghệ thuật. Vừa là quyển sách của anh, nhưng cũng là công việc của nhiều người. Lúc đó, chúng tôi chúc lành cho quyển sách và cho Bill. Tôi cũng đã cầu nguyện để có nhiều người thấy đây là một người đáng kể và anh đã sống một cuộc đời phong phú.

Tôi cũng cầu nguyện cho Bill nhớ lại tất cả những giây phút vui cũng như buồn của cuộc đời anh, với một quả tim biết ơn. Mắt anh lưng tròn. Sau lời cầu nguyện, khi tôi ôm anh vào lòng, anh bật lên khóc nức nở. Tất cả những người hiện diện, làm thành một vòng chung quanh chúng tôi, họ hiểu tấm lòng của anh và chia sẻ xúc cảm của anh. Cuộc đời của anh được giương lên để mọi người thấy và anh đã tin, đã chứng tỏ đó là cuộc đời mà anh có thể biết ơn. Bây giờ quyển sách là hành lý của anh khi chúng tôi đi du lịch với nhau. Anh tin chắc đời sống của anh không phải là cái gì làm anh xấu hổ. Ngược lại, đó là một ơn huệ mà anh phải làm cho mọi người biết.

Khi nâng chén buồn phiền và vui tươi của chúng ta cho người khác thấy, chén đó trở thành chén sự sống. Chúng ta sống những cuộc đời vụn vỡ, bởi vì chúng ta thích quên những kinh nghiệm khó nhọc mà chúng ta phải đối diện. Gánh nặng của quá khứ thường làm chúng ta xấu hổ và có mặc cảm tội lỗi, gần như quá nặng không thể gánh được, và như thế là chúng ta đè nén một phần đời của chúng ta, và qua sự kiện này, chúng ta chỉ sống có một nửa cuộc đời.

Để có thể nhận biết những gì chúng ta sống là tạo nên đời chúng ta, và để sống trọn vẹn, chúng ta thật sự cần nhau. Chúng ta cần nhau để vượt lên mặc cảm xấu hổ và tội lỗi, để biết ơn các thành công, các thực hiện cũng như các thất bại và những điều thiếu sót của chúng ta. Đừng kèm lại nước mắt, cứ để nó tuôn trào, nước mắt của đau khổ cũng như nước mắt của hạnh phúc. Những giọt nước mắt này như nước mưa rơi trên mảnh đất khô cằn: đó là dấu hiệu bảo đảm cho mùa màng phong phú. Khi mở lòng ra với nhau, tất cả những gì chúng ta sống sẽ là miếng đất đầy hứa hẹn cho tương lai.

Ngoài những lời chúc trao đổi cho nhau, những lời nói dễ thương, nâng chén "cuộc đời" là nhận biết tất cả những gì đến với chúng ta là ân huệ và chúng ta có thể cùng nhau chia sẻ. Chắc chắn biết ơn những việc tốt đến với chúng ta để chúng ta là những con người như hiện nay thì dễ dàng hơn là biết ơn tất cả những gì xảy đến cho chúng ta. Dù vậy, lòng biết ơn làm đời chúng ta phong phú, bởi vì nó xóa tan cay đắng, chua xót, hối tiếc, ham muốn và ước muốn trả thù.

Chủ nghĩa cá nhân điên cuồng, "mỗi người vì mình", quyết chí "tự xoay xở" và tự đủ cho chính mình là những nét đặc biệt của xã hội này đã ngăn không cho chúng ta nâng chén đời sống của mình. Nhưng mỗi lần chúng ta dám vượt lên các e ngại, chấp nhận mình mỏng giòn và chứng tỏ điều đó, đời sống chúng ta và đời sống của những người khác sẽ triển nở một cách không ngờ.

PHẦN BA: UỐNG CHÉN

CHƯƠNG 7: UỐNG

Chén mà chúng ta cầm trên tay và chúng ta nâng lên, chúng ta phải uống.

Tôi còn giữ những kỷ niệm nóng sốt của năm đầu tiên ở trường đại học Nimègue, ở Hòa-Lan. Tôi vừa chịu chức linh mục, Hồng y Alfrink khuyến khích tôi học môn tâm lý. Nhưng trước khi niên học bắt đầu, chúng tôi phải đi qua thủ tục "khai trường" dài dòng trước khi được nhận vào tập thể sinh viên và trở thành một thành viên hoàn toàn. Dĩ nhiên uống là một cách để chịu thử thách. Tôi không quen uống nhiều bia, như vậy tôi không lập được thành tích trong lãnh vực này. Nhưng một khi được chấp nhận vào bọn, và đã làm quen được một vài người bạn, "uống một ly chung với nhau" là công thức biểu lộ tình huynh đệ với nhau, cùng muốn trao đổi với nhau, cùng có một lợi ích chung, cùng nói chuyện hợp với nhau. "Nào, đi uống một ly bia!" "Bạn uống càphê không?" "Chúng ta sẽ gặp nhau ở buổi uống trà" "Tôi có thể mời bạn một cốc Heineken?" "Uống thêm một ly nữa?" "Nào, đừng đi cầu nguyện nữa, để tôi rót thêm cho bạn một ly... bạn đáng được uống thêm một ly". Các câu này và những câu tương tự tạo nên bầu khí thân mật giữa bạn bè với nhau.

Dù ở xứ nào hay ở văn hóa nào, cùng uống với nhau là dấu hiệu của tình bạn, tình thân mật và có bình an khi ở với nhau. Người ta không uống duy nhất chỉ vì khát. Người ta uống để "phá vỡ tảng băng", để mở đầu câu chuyện, để nói lên ước nguyện của mình, để diễn tả tình bạn hay thiện chí, để tạo một bầu khí thuận lợi cho cuộc gặp gỡ tinh cảm, để lòng cởi mở và dễ tiếp cận với nhau. Không ngạc nhiên khi có những người giận dữ với chúng ta, đến để lên án, để hạch sách, họ từ chối uống ly nước chúng ta mời. Họ sẽ nói: "Tôi sẽ đi thẳng vào vấn đề, đó là lý do vì sao tôi đến đây". Từ chối ly nước là từ chối thân tình.

Trong những trường hợp tệ, uống chung có nghĩa: "Chúng ta tin nhau đủ để đừng đầu độc nhau" (Ở một vài thời kỳ, khi họ nghi có âm mưu phản trắc, để tin chắc rượu không bị đầu độc, họ làm một việc chướng mắt là bán một vài giọt rượu vào ly người khác). Trong những trường hợp tốt, uống chung có nghĩa: "Tôi muốn đến gần bạn và dâng mừng đời sống với bạn". Uống một ly chung với nhau là mời gọi bước qua biên giới ngăn chia để cùng chia sẻ tình nhân loại với nhau. Sự kiện uống chung có thể mang một chiều kích thiêng liêng, khi, đó là điều khẳng định đơn vị hiệp nhất của chúng ta, chúng ta là con Thiên Chúa.

Thế giới này đầy những điểm uống: quán rượu, quán càphê, câu lạc bộ, tiệm nước trà. Ngay cả khi chúng ta đi ăn, câu đầu tiên người hầu bàn nói là "Ông, bà muốn uống gì?" Đó cũng là một trong những câu hỏi đầu tiên khi có khách đến nhà.

Có những bối cảnh chúng ta có thể uống mà cũng có những bối cảnh không thể uống. Chúng ta tự nguyện làm, ít nhất là lúc đó chúng ta cảm thấy thoải mái với mình và trong an toàn với người khác. Uống càphê giải lao khi làm việc, uống trà vào xế trưa, uống rượu khai vị trước khi ăn tối, đó là những cách cho phép mình nói với mình hay với người khác: "Dù cuộc đời có như thế nào, sống trên đời này vẫn là một việc tốt đẹp. Chúng ta phải nhắc đi nhắc lại điều này hoài"

Uống chén sự sống là làm cho những gì chúng ta sống thuộc về chúng ta. Đó là "Đây là đời sống của tôi", nhưng cũng là "Đây là đời sống mà tôi muốn". Uống chén của mình là làm quen và hướng nội các kinh nghiệm của mình, vui vẻ buồn phiền lẫn lộn.

Có nhiều chuyện phải quan tâm, chứ không phải lúc nào cũng dễ dàng. Ở một vài giai đoạn, đôi khi là một thời gian dài, chúng ta không có khả năng chấp nhận cuộc đời của mình, chúng ta từ chối nó, chúng ta chiến đấu để nó tốt hơn, hay ít nhất cũng khác hơn. Và cũng có lúc chúng ta chống lại số phận mà chúng ta không chọn: nơi sinh, cha mẹ, màu da, giới tính, cá tính, trình độ thông minh, diện mạo bên ngoài... tất cả rơi xuống tay mà chúng ta không muốn, hình như cuộc đời đã được sắp xếp trước. Lúc đó là lúc hận thù và cay đắng rình rập mình: "Thật là bất công! Đáng lý tôi phải sinh ra trong một thân thể khác, một thời kỳ khác. Tại sao tôi phải là tôi? Tại sao điều đó xảy ra cho tôi?"

Dù vậy, dần dần chúng ta làm quen với thực tế của mình, chúng ta học để nhìn nó với cặp mắt thương xót, khi đó mình có thể thấy được tất cả các khả năng tiềm tàng với tư cách là người cá biệt trong thế giới này, các lời phản đối, công kích sẽ im dần, và chúng ta có thể nâng chén lên môi, uống chậm chậm và uống cạn chén.

Thường thường, khi chúng ta an ủi ai, chúng ta hay nói: "Thật là buồn khi chuyện đó xảy đến cho bạn, nhưng mình cố thử rút tĩa bài học tốt nhất trong chuyện này". "Bài học tốt nhất" có phải là điều mà uống chén này muốn nói? Thích ứng vào một hoàn cảnh và cố gắng dùng những khả năng tốt nhất của mình, nhưng cũng là và nhất là sống trong hy vọng và tin tưởng ở mình. Uống chén của mình, đó là đứng vững trong thế giới này với cái đầu ngẩng cao, bám vững chắc trong ý thức đã biết mình là ai, đối diện với thực tế chung quanh mình, và trả lời nó với quả tim mình.

Tất cả những nhân vật đáng kể, danh tiếng hay không danh tiếng, đều uống chén của họ, đều đảm nhận điều kiện sống, định mệnh của họ mà không sợ, biết rằng đời sống được trao ban cho họ xứng đáng để sống trọn vẹn, trước mặt Thiên Chúa, trước mặt dân Người, để từ đó mang nhiều hoa quả. Họ cần đời sống của họ mang hoa trái. Đức Giêsu, con của người thợ mộc thành Nadarét - "Từ Nadarét, làm sao có cái gì hay được", người ta hỏi nhau như thế (Ga 1:46) - uống chén của Người đến cùng, dù đắng cay như thế nào. Tất cả môn đệ của Người cũng làm như vậy, mỗi người theo mỗi cách của mình, tùy theo cá tính của họ.

Tâm cao cả của thiêng liêng không phải là người cao cả nhất hơn các người khác, nhưng nó ở trong sự kiện mỗi người đạt được chiều cao trọn vẹn của mình. Thánh thiện đích thực chính là uống chén của mình với lòng tin tưởng, khi mình làm như vậy, mình có thể là nguồn hy vọng cho nhiều người khác.

Nhưng làm sao uống chén của mình một cách cụ thể trong đời sống hàng ngày? Làm sao làm quen với những gì xảy đến với mình? Ít nhiều mù mờ, chúng ta biết rằng khi mình không uống chén của mình, thì đời sống của mình sẽ không đích thực, sẽ giả tạo và sẽ chẳng mang lợi ích gì: khi muốn tránh bất hạnh, thì chúng ta cũng tránh luôn hạnh phúc. Cắt rời một phần con người mình và đời sống mình, chúng ta mất kiểm soát và trở thành những con múa rối nằm trong lợi nhuận và ước muốn của người khác. Nhưng chúng ta không bắt buộc phải làm như vậy. Chúng ta có thể chọn để uống chén với lòng tin tưởng sâu xa, chính ở đó, chúng ta sẽ tìm được tự do đích thực, và sẽ làm chén buồn phiền-vui tươi thành chén cứu rỗi.

CHƯƠNG 8: CHÉN CỨU CHUỘC

Gordie Henry, bị hội chứng "Down Syndrome", anh là hạt nhân của cộng đồng. Một ngày nọ, anh nói với tôi: "Điều tốt đẹp trong cuộc đời, là chúng ta có nhiều bạn. Điều khổ sở trong cuộc đời là khi nhìn họ bỏ mình mà đi". Qua nhận xét đơn sơ này, Gordie đã thấm nhập vào thực tế của quan hệ con người, nơi vui và buồn lẫn lộn với nhau. Vì đã ở Daybreak từ lâu, anh quen nhiều người dạy dỗ, nhiều trợ tá đủ quốc tịch, họ đến làm việc một mùa hè, một năm, nhiều năm. Tất cả đều yêu thương Gordie và anh cũng yêu thương lại họ. Trừu mến và tình bạn sâu xa đã được thắt chặt.

Nhưng, sớm hay muộn, họ ra đi. Một vài người lập gia đình, người thì tiếp tục học, người thì đi tìm một hướng mới cho cuộc đời, người thì thấy cuộc đời cộng đồng không hợp với họ. Tuy nhiên, Gordie luôn luôn ở lại và tất cả chia cắt này làm cho anh buồn thâm thía.

Một hôm, Jean Vanier, người sáng lập Arche, đến thăm chúng tôi. Ông hội lại tất cả cộng đồng chung quanh ông. Ông hỏi: "Có câu hỏi nào mà các bạn muốn hỏi tôi nhất?" Thelus, người cũng sống một thời gian dài ở Daybreak, đưa tay lên nói: "Tại sao khi nào họ cũng rời bỏ chúng tôi?" Jean hiểu câu hỏi này không phải chỉ một mình của Thelus, mà của Gordie và nhiều người khác nữa. Dịu dàng, ông tiến đến gần cô và nói: "Thelus, con biết, đó là câu hỏi quan trọng nhất mà con đặt ra. Con và nhiều người khác muốn Daybreak là căn nhà êm ấm của con, nơi con có cảm nhận được yêu thương và được che chở. Như thế vì sao lại có những người con yêu thương lại bỏ nhà của con mà đi, có khi đi luôn? Con cảm nhận những người này họ đã không thật sự yêu thương con! Nếu họ yêu thương con, vì sao họ lại bỏ đi?"

Mọi người nhìn và chăm chú nghe ông, biết là ông đã hiểu nỗi đau khổ và ông lo lắng cho họ. Ông nói: "Niềm vui và đau khổ của các bạn cho các bạn một sứ mệnh. Những người đến đây sống với các bạn, bạn được nhận rất nhiều từ họ, nhưng bạn cũng cho họ rất nhiều, những người này thật sự họ không rời xa bạn. Bạn gửi họ về trường học, về xứ họ, về gia đình họ, để họ mang một chút tình yêu mà họ đã sống ở đây với các bạn, đem đến cho người khác. Thật là khó khăn, thật là đau buồn khi thấy họ ra đi. Nhưng khi các bạn thấy đó là sứ mệnh, thì các bạn có khả năng gửi họ đi để họ tiếp tục cuộc hành trình, và như thế, các bạn không mất niềm vui mà họ đã mang đến cho các bạn"

Những lời nói đơn sơ và trực tiếp đi thẳng vào quả tim, bởi vì nó làm cho chúng tôi thấy sự việc một cách khác, thấy liên tục những gì là chia cắt. Chén vui và chén buồn trở thành chén cứu rỗi.

Uống chén của mình chỉ có thể được khi nó mang đến cho mình sức khỏe, sức lực, tự do, hy vọng và can đảm - một đời sống mới. Không một ai sẽ uống nếu nó làm cho mình đau và khốn cùng. Chúng ta uống bởi vì nó chữa lành và cứu chúng ta.

Chúa là Đấng nhân từ, chính trực
Thiên Chúa chúng ta một dạ xót thương (...).
Tôi đã tin, cả khi mình đã nói:
"Ôi nhục nhã ê chề!"
Đã thốt ra trong cơn hốt hoảng:
"Mọi người đều giả dối!"
Biết lấy chi đền đáp Chúa bây giờ
Vì mọi ơn lành Người đã ban cho?
Tôi xin nâng chén mừng ơn cứu độ
Và kêu cầu thánh danh Đức Chúa.
Tv (116:5, 10-13)

Ở đây, bí ẩn được làm sáng tỏ. Kết hiệp và chia cắt, tình yêu và hận thù, âu yếm và dửng dưng, quảng đại và ti tiện, tất cả những kinh nghiệm này đều có thể là con đường dẫn đến tự do thật sự của con người. Không phải chỉ có một mình đau khổ, nhưng còn có niềm vui lẫn lộn trong đó. Đúng, những người yêu thương chúng ta cũng làm chúng ta thất vọng, những giây phút toại nguyện nhất cũng gồm những ước muốn không được toại ý, cảm nhận được che chở ở trong căn nhà êm ấm đôi khi cũng có thể trở thành cảm nhận bị cô lập. Nhưng tất cả các căng thẳng này có thể tạo nên trong lòng chúng ta ước muốn sâu xa của giải thoát: cho chúng ta thấy các giới hạn và kêu gọi chúng ta vượt lên nó.

Đức Giêsu biết thế nào là ngưỡng mộ, tôn thờ, thần phục và nổi tiếng. Nhưng người cũng biết thế nào là hận thù, ruồng bỏ, sỉ nhục. Hôm nay dân chúng kêu lên: "Chúc tụng", ngày mai: "Đóng đinh nó đi!". Đức Giêsu nhận lấy, không phải theo cách anh hùng được ngưỡng mộ rồi thất sủng, nhưng theo cách của một người có sứ mệnh phải hoàn thành, và không bao giờ để mất lập trường, dù thế nào. Trong thâm tâm của người, người biết người phải uống cạn chén để hoàn tất công trình của Cha - người Cha mà người yêu dấu hết lòng - giao phó cho Người. Người biết uống cạn chén sẽ mang đến cho Người tự do và sung mãn. Người biết uống cạn chén sẽ dẫn Người đến giải phóng, vượt qua các cạm bẫy, dẫn đến vinh quang của sống lại, vượt qua lo âu của cái chết. Sự thấu hiểu này không phải là hiểu biết thường hay khả năng lãnh nhận thường. Đây là thấu hiểu của một quả tim làm thành bởi một tình yêu vô tận.

Như vậy chén của Đức Giêsu uống trở thành chén cứu rỗi. Trong vườn Giết-sêmani, vườn của sợ hãi, Đức Giêsu đã kêu lên: "Mọi người đều giả dối (...) nhân danh Thiên Chúa, Ta nâng chén cứu rỗi". Uống chén cứu rỗi là uống cạn chén vui buồn để Thiên Chúa rót đầy cho mình đời sống tinh tuyền.

Nhưng tại sao chúng ta cần được cứu rỗi? Theo truyền thống, câu trả lời là - và cũng là câu trả lời tốt -: cứu khỏi tội và khỏi chết. Chúng ta bị vướng bẫy tội lỗi và cái chết như vướng vào bẫy thú.

Chỉ cần suy nghĩ một chút về các lệ thuộc của chúng ta - rượu, thuốc phiện, thức ăn, bài bạc, dục tính - thì chúng ta có một khái niệm về cái bẫy. Thêm vào đó một vài tình trạng lệ thuộc tinh vi hơn: chúng ta thường cảm thấy mình bắt buộc phải nói, suy nghĩ và hành động theo một cách nào đó, như thử chúng ta không thể làm một cách khác hơn. Một vài người làm những việc vô lý, như rửa tay hoài, sắp xếp lui tới các đồ vật, người khác thì lại quá tỉ mỉ hay bị bối rối vì những ý tưởng cố định: họ có cách ứng xử nhất thời. Nhưng rốt cuộc, chúng ta ai cũng có những ám ảnh riêng của mình: Một ý tưởng, một dự án có thể ám ảnh, làm chúng ta trở thành nô lệ cho nó.

Các lệ thuộc, các xung kích, các ám ảnh này cho thấy chúng ta bị vướng vào bẫy như thế nào. Nó cho chúng ta thấy thân phận tội lỗi của mình, vì nó ngược lại với địa vị tự do là con Thiên Chúa của chúng ta, và chúng ta khuất phục vào những giới hạn của thế gian này. Tội lỗi đẩy chúng ta đến việc muốn làm đời sống mình theo các ước muốn của mình, như thế là không biết đến, là từ chối chén được trao ban. Tội lỗi làm chúng ta nô lệ "xác thịt", nô lệ vào thân phận tạo vật của mình, như thánh Phaolô giải thích: "Những việc do tính xác thịt gây ra thì ai cũng rõ, đó là dâm bôn, ô uế, phóng dăng, thờ quấy, phù phép, hận thù, bất hòa, ghen tương, nóng giận, tranh chấp, chia rẽ, bè phái, ganh tị, say sưa, chè chén và những điều khác giống như vậy" (Gl 5:19-21).

Cái chết cũng là một cái bẫy. Nó bao vây chúng ta tứ phía: chiến tranh nguyên tử, chiến tranh vi trùng, mâu thuẫn quốc tế, đói kém, phá thai, bệnh dịch, các bệnh không chữa lành. Sớm hay muộn, không tránh được, cái chết cũng chụp được mình. Dù chúng ta có chạy đi hướng nào, nó cũng chụp được. Chúng ta không thiếu chuyện lo mỗi ngày, sức khỏe của người thân yêu hay của chính mình. Không một ngày qua đi mà chúng ta không bị cái chết bủa vây.

Tội lỗi và cái chết làm chúng ta mắc bẫy. Uống chén, như Đức Giêsu đã làm, là cách duy nhất để chúng ta được giải phóng. Đó là con đường cứu rỗi. Đó là con đường khó, đau khổ, một con đường mà chúng ta làm mọi cách để tránh. Đôi khi, nó là con đường không thể đi được. Tuy nhiên, nếu chúng ta không sẵn sàng uống chén, thì tự do đích thực sẽ vượt khỏi tay chúng ta, và đó không những chỉ là tự do sau khi chúng ta đã uống cạn chén, có nghĩa là sau khi chúng ta chết. Không, đây là tự do mà chúng ta nhận thấy được sau mỗi lần chúng ta uống - dù ít hay nhiều - cái chén sự sống.

Cứu rỗi không phải là mục đích cho đời sống về sau. Cứu rỗi phải là một thực tế mà chúng ta có thể thưởng thức bây giờ và tại đây. Khi tôi ngồi bên cạnh Adam để giúp anh ăn, với Bill để nói chuyện với anh, với Suzanne để uống ly cà phê, với David để ăn sáng hay khi tôi ôm Michael, khi hôn Patsy và cầu nguyện với Gordie, cứu rỗi là lúc đó. Khi chúng ta cùng ở với nhau chung quanh bàn thờ và khi tôi đưa cho tất cả những người hiện diện chén rót đầy rượu, tôi muốn xác tín tuyên xưng: "Đây là chén cứu rỗi."

CHƯƠNG 9: CẠN CHÉN

Sống trọn vẹn, đó là uống cạn chén và tin Thiên Chúa sẽ rót đầy đời sống vĩnh cửu.

Tuy nhiên chúng ta cần các cách thực hành đường lối thiêng liêng cụ thể để giúp chúng ta hướng nội các niềm vui và buồn phiền, để tìm ở đó con đường duy nhất hướng về tự do nội tại. Ba con đường thiêng liêng - tĩnh lặng, lời nói và hành động - có thể giúp chúng ta uống cạn chén cứu rỗi.

Tĩnh lặng

Chắc chắn tĩnh lặng không có nghĩa là thụ động, bởi vì chính trong tĩnh lặng mà chúng ta đối diện được với con người thật của mình. Buồn bã, bất hạnh đôi khi quá sức chịu đựng, làm chúng ta làm bất cứ gì để khỏi đối diện với nó. Truyền hình, thu thanh, báo chí, sách đọc, phim ảnh, thậm chí đến việc làm, đời sống xã hội bận rộn cũng là những cách chạy trốn và sống dài dài đời sống rong chơi của mình. Chữ rong chơi rất quan trọng ở đây. Rong có nghĩa là xem nhẹ thì giờ, sự việc. Rong chơi là giải trí, vui đùa cho qua thì giờ. Thường thường giải trí có tác dụng tốt, giúp mình bớt căng thẳng, làm cho mình quên đi chốc lát các lo lắng, các sợ hãi. Nhưng khi chúng ta sống cuộc đời như một chuỗi ngày rong chơi, thì chúng ta đánh mất quan hệ với tâm hồn mình, trở thành khán giả hay người đóng vai làm nền cho một tấn tuồng mà nó chẳng bao giờ được diễn lại. Dù đó là một việc làm hữu ích và có lợi thì đó cũng là một cách làm cho mình quên mình là ai. Như thế không ngạc nhiên đối với một số người, khi viễn ảnh về hưu làm họ lo lắng. Chúng ta sẽ là gì khi chẳng có việc gì để làm?

Tĩnh lặng là cách thực hành một lối sống thiêng liêng giúp chúng ta vượt qua giai đoạn rong chơi. Chính trong tĩnh lặng mà vui vẻ buồn phiền đi ra khỏi vỏ ốc của nó; lúc đó chúng ta có thể nhìn nó mà không sợ, vì nó là của mình; và giữa bóng tối và ánh sáng, chúng ta vạch ra một con đường dẫn đến tự do. Chúng ta có thể tìm tĩnh lặng trong thiên nhiên, trong nhà thờ, nơi trung tâm suy gẫm hay trong nhà chúng ta. Dù dùng phương tiện nào để có tĩnh lặng, chúng ta phải yêu thích nó. Bởi vì trong tĩnh lặng, chúng ta mới có thể hiểu được mình và dần dần nhận biết đó là ân huệ của Thiên Chúa.

Mới đầu, tĩnh lặng có thể làm chúng ta hãi sợ, bởi vì đó là tiếng nói từ bóng tối: ghen tương, giận dữ, cay chua, muốn trả thù, ham muốn, tham lam; đó cũng là nỗi đau do mất mát, lợi dụng, ruồng bỏ.

Những tiếng nói này thường ồn ào và phủ phàng. Nó có thể làm chúng ta đình tai nhức óc. Phản ứng tự nhiên của chúng ta là chạy trốn và rong chơi.

Nhưng nếu chúng ta có can đảm chịu đựng và không ngại cảnh náo động này thì dần dần nó sẽ mất sức lực và yếu dần, khi đó ta sẽ lắng nghe được các tiếng nói dịu dàng và khích lệ đến từ ánh sáng.

Các tiếng nói của bình an, lòng tốt, dịu dàng, hy vọng, tha thứ và nhất là tình yêu. Đầu tiên, các tiếng nói này có thể nhỏ, không đáng kể và chúng ta thấy khó khăn để tin tưởng vào nó. Dù sao, nó rất kiên trì và sẽ trở thành tiếng nói rất mạnh nếu chúng ta tiếp tục lắng nghe. Tiếng nói đến từ rất thâm sâu và rất xa, nói với chúng ta từ khi chúng ta chưa sinh ra, vén mở cho chúng ta thấy không có bóng tối nơi Đấng được gọi đến thế gian này, mà chỉ có ánh sáng nơi Người.

Tiếng nói đó là tiếng vang của Thiên Chúa gọi chúng ta từ muôn thưở: "Con yêu quý của Ta, niềm vui của Ta, Ta yêu thương con..."

Tiếng động âm ĩ của thế giới này thường xuyên làm nghẹn tiếng nói dịu dàng và trấn an này. Đó là tiếng nói của sự thật, nó giống như tiếng nói của tiên tri Êlia trên núi Horeb. Ở đó, Chúa đến với ông không qua cơn bão, cơn động đất, không qua lửa nhưng qua "cơn gió thoảng" (1V 19:11-13). Cơn gió nhẹ này đuổi tan lo sợ, cho phép chúng ta ngắm nhìn thực tế, thực tế của chúng ta, cơn gió không tìm cách đánh lừa chúng ta.

Lời nói

Có ý thức về thực tại của chúng ta trong tình lặng thinh cũng chưa đủ, chúng ta cần nói cho bạn bè, những người chúng ta tin tưởng, biết thực tại này là của chúng ta. Để làm được việc này, chúng ta phải nói lên những gì có trong chén của mình. Bao lâu chúng ta sống cuộc đời của mình trong bí mật, cô lập với cộng đồng tình yêu, thì bấy lâu cuộc đời của mình là một gánh nặng. Sợ người khác biết về mình làm chúng ta xa cách với đời sống nội tâm - đời sống thật -, với đời sống bên ngoài - đời sống giả. Vì không có khả năng sống với các cảm nhận chân thật của mình, chúng ta đi đến chỗ hạ thấp giá trị mình và khinh mình, dù cho người khác có mến chuộng hay thán phục mình.

Để biết mình thật sự và để nhận biết trọn vẹn đời sống của mình là đời sống duy nhất, chúng ta cần được biết và nhận biết bởi những người mà đối với họ, chúng ta có giá trị. Chúng ta không thể sống một đời sống thiêng liêng trong bí mật. Khi cô lập mình, chúng ta không thể tìm được con đường dẫn đến tự do thật. Tình lặng không có lời nói cũng nguy hiểm như cô đơn không có cộng đồng. Đó là những chuyện không tách rời nhau được.

Nói về chén của mình và những gì có trong chén không phải là việc làm không đau đớn. Điều này đòi hỏi quyết tâm và bền bỉ, vì cũng như chúng ta tránh tình lặng để khỏi đối diện với mình, thì chúng ta cũng nên giữ các lời thổ lộ để tránh đối chất với người khác.

Tôi không muốn nói tất cả những người chúng ta gặp hay những người chúng ta quen biết đều phải biết những gì có trong chén chúng ta. Ngược lại, sẽ thiếu tinh tế, sáng suốt và ngay cả cẩn thận khi phô bày nội tâm của mình cho những người không tạo cho mình được bình an và an ủi. Điều này không tạo nên tình tương ái mà chỉ gây bối rối chung, làm cho mình xấu hổ và có mặc cảm thêm. Nhưng tôi nói, chúng ta cần bạn yêu thương, một mình ta và với họ, chúng ta có thể mở lòng ra với nhau. Với những người bạn như vậy, chúng ta có thể cất gánh nặng của tê liệt và bất lực mà bí mật làm hại chúng ta. Họ có thể cho chúng ta một tình bạn bền vững và thiêng liêng, để chúng ta có thể bày tỏ các nỗi buồn sâu

xa cũng như các niềm vui to lớn; họ có thể thúc đẩy chúng ta đặt lại vấn đề cách yêu thương của chúng ta, để chúng ta đứng trước thách đố phải có được một đời sống thiêng liêng trưởng thành. Người ta có thể nói bác lại: "Tôi không có bạn, tôi không tin ai được và tôi cũng không biết cách nào để tìm ra bạn". Những lời bác bỏ này đến từ việc chúng ta sợ uống chén mà Đức Giêsu mời chúng ta uống.

Khi chúng ta hoàn toàn dấn thân vào con đường thiêng liêng, kêu gọi chúng ta uống cạn chén của mình, thì mau chóng chúng ta sẽ gặp được những người cùng đi một con đường, họ sẽ an ủi chúng ta, cho chúng ta tình bạn, tình thương của họ. Tôi đã chứng kiến việc Thiên Chúa gọi đến những người bạn tuyệt vời cho những ai tận hiến mình cho Chúa. Đó là bí ẩn nghịch lý mà Đức Giêsu nói khi chúng ta rời những người thân yêu vì danh Người, vì Tin Mừng, thì chúng ta sẽ nhận gấp bội các lời nâng đỡ tinh thần (xem Mc 10:29-30)

Khi chúng ta dám mở đầy quả tim mình cho những người bạn mà Thiên Chúa gọi đến, thì dần dần chúng ta sẽ tìm được tự do nội tâm và lòng can đảm sống gấp mười lần. Khi chúng ta tin thật sự chúng ta không có gì để che giấu với Chúa, thì chúng ta sẽ biết mình được các người bạn là các người đại diện của Chúa đang ở bên cạnh mình, và với họ, mình có thể hoàn toàn tin tưởng để tỏ lộ tâm hồn của mình.

Không có gì cho chúng ta nhiều sức mạnh bằng việc mình được nhận biết và yêu thương trọn vẹn bởi những người sống cho tình yêu của Chúa. Điều đó cho chúng ta can đảm uống cạn chén của mình, biết đó là chén cứu rỗi, và cũng giúp cho chúng ta biết sống trọn vẹn cũng như chết trọn vẹn. Khi chúng ta được các bạn yêu thương ở chung quanh, thì cái chết là con đường tiến đến hiệp thông trọn vẹn với các thánh.

Hành động

Cũng như thỉnh lặng và lời nói, hành động giúp chúng ta biết con người thật của mình và để thực hiện trọn vẹn chức năng của mình. Công việc này đòi hỏi tu tập mỗi ngày, đời sống hàng ngày đầy những việc làm bó buộc và yêu cầu: "Làm này, làm kia, đi đây, đi đó, gặp người này, gặp người kia". Bận rộn là dấu hiệu của người quan trọng. Có nhiều việc để làm, nhiều nơi để đi, nhiều người để gặp: cho mình có một địa vị và có tiếng. Ngược lại, bận rộn có thể làm chúng ta xa ơn gọi thật sự của mình và ngăn chúng ta uống chén của mình.

Mặt khác, làm sao phân biệt được giữa những gì chúng ta được gọi để làm và những gì chúng ta muốn làm. Các ước muốn dễ dãi làm cho chúng ta xao nhãng công việc thật của mình, công việc dẫn chúng ta thực hiện trọn vẹn ơn gọi của mình. Dù chúng ta làm việc trong văn phòng, xưởng máy, bệnh viện; dù chúng ta du lịch khắp nơi trên thế giới, viết sách vở, thực hiện phim hay săn sóc người nghèo; là người lãnh đạo hay là người làm việc bình thường, câu hỏi không phải là "Tôi muốn cái gì hơn nữa?" mà là "Ơn gọi của tôi là gì?" Chúng ta có thể nhận lời hay từ chối một chức vụ danh tiếng nhất, một chức vụ khiêm tốn nhất trong xã hội theo ơn gọi của mình.

Với khả năng mình định, chúng ta phải chọn lựa các việc làm nào mà nhờ đó chúng ta có thể uống cạn chén, để đến cuối đời, chúng ta có thể nói với Đức Giêsu: "Thế là đã hoàn tất" (Ga 19:30). Đây là nghịch lý: Rót đầy đời sống bằng cách uống cạn. Đức Giêsu đã nói: "Ai liều mất mạng sống mình vì Thầy, thì sẽ tìm được nó" (Mt 10:39).

Khi chúng ta dấn thân để làm theo ý Chúa chứ không theo ý mình, thì nhanh chóng, chúng ta sẽ thấy rất nhiều việc mình đã làm, không cần thiết phải chính mình làm. Những gì mình được gọi để làm, đó

là những việc mang đến niềm vui và bình an thật sự. Nếu rời bỏ những người thân yêu vì tình yêu Thiên Chúa mang đến cho chúng ta nhiều bạn mới, thì tác động của nó cũng vậy, khi chúng ta từ bỏ những công việc không thích hợp với ơn gọi của mình.

Các công việc dẫn đến quá sức, kiệt lực, suy thoái không dự phần vào vinh quang của Thiên Chúa, vào toàn hảo của công trình tạo dựng. Những gì Thiên Chúa gọi chúng ta làm, chúng ta có thể làm và làm tốt. Khi chúng ta thính lặng nghe tiếng Chúa, và chúng ta nói về Người với những người chúng ta tin tưởng, thì chúng ta ý thức về những gì chúng ta được gọi, và chúng ta hoàn tất nó với lòng biết ơn.

Thính lặng, lời nói, hành động chỉ dẫn cho chúng ta con đường để đi, và từng bước, chúng ta tiến đến đích. Trên đường đi, chúng ta sẽ gặp trở ngại, gặp những con đường không thể nào đi được, nhưng chúng ta cũng sẽ gặp được cảnh trí đẹp tuyệt vời; chúng ta sẽ đi qua các bãi sa mạc dài hay đi dọc bờ sông đầy bóng mát; chúng ta sẽ đụng phải những người bất lương hay quân cướp, nhưng chúng ta cũng sẽ có những người bạn tốt nhất. Chúng ta thường tự hỏi liệu mình có đi đến đích được hay không, nhưng rồi sẽ có một ngày, chúng ta sẽ tiến về Đấng đã chờ chúng ta từ muôn thuở để đón chúng ta về nhà.

Đúng, chúng ta có thể uống chén cuộc đời của mình và khi uống cạn, chúng ta sẽ hiểu Đấng gọi chúng ta là "con yêu quý" trước khi chúng ta sinh ra đời đang rót cho chúng ta chén đời sống vĩnh cửu.

KẾT LUẬN

CÂU TRẢ LỜI

Chén có đủ loại: bằng vàng, bằng bạc, bằng đồng, bằng phalê, có những chén chạm trổ cầu kỳ, có những chén rất đơn giản, hình dáng thanh tao, có những chén bình thường bằng thủy tinh. Dù hình thức hay giá trị nào, chén cũng dùng để uống. Uống và ăn là những việc làm phổ thông nhất của con người. Chúng ta uống để sống, nhưng thính thoảng thức uống cũng giết hại chúng ta. Nói ai "uống quá nhiều" có nghĩa là người đó nghiện rượu và từ đó kéo theo các vấn đề gia đình, xã hội. Nhưng khi nói "Mời đến uống với tôi một ly" là dấu hiệu của tình bạn và hiếu khách, dấu hiệu của thân mật và dâng mừng.

Không quá ngạc nhiên khi chén tượng trưng cho một cái gì phổ thông. Hơn nữa, chén được dùng trong nhiều trường hợp, thể hiện và diễn tả các kinh nghiệm và tình cảm khác nhau của con người.

Chén tượng trưng cho chiến thắng. Trong các cuộc tranh giải thể thao, người thắng cuộc chiếm được cúp, và thường các nhà vô địch mang tên "cúp" cho bộ môn thắng giải của mình: cúp đá bóng, cúp tennis. Ai cũng thèm muốn các cúp này, vì nó tượng trưng cho thành công, dũng cảm, khéo léo, sức mạnh và danh tiếng.

Thính thoảng chén tượng trưng cho cái chết. Chén bạc của Giuse tìm thấy trong túi Benjamin, có nghĩa là chén bị lấy. Các chén của Isaia và Giêrêmia là những chén giận dữ của Thiên Chúa và của hủy hoại. Chén của Socrate là chén tẩm thuốc độc, chén hành quyết của ông.

Chén mà Đức Giêsu nói không tượng trưng cho chiến thắng hay cái chết. Đó là chén sự sống, rót đầy niềm vui cũng như nỗi buồn mà chúng ta có thể cầm, nâng lên và uống như lời chúc phúc và con đường cứu rỗi. Đức Giêsu hỏi chúng ta: "Con có thể uống chén Ta sắp uống không?" Câu hỏi này mỗi ngày có một ý nghĩa khác nhau. Ngày này qua ngày khác, chúng ta có thể đón nhận những gì cuộc đời dành cho chúng ta không? Có những lúc hứng khởi, chúng ta trả lời vâng ngay lập tức, lúc khác thì chúng ta chỉ muốn từ chối. Chúng ta cần phải quan tâm đến lúc thuận cũng như lúc từ, nếu chúng ta muốn hiểu câu hỏi và lượng đúng tầm quan trọng của nó.

Giacôbê và Gioan đã không có một ý nghĩ nào về những gì các ông thuận. Họ không hiểu Đức Giêsu là ai và sứ mệnh của người là gì. Họ cũng không tưởng tượng được Đức Giêsu, là Thiên Chúa, sẽ bị phản bội, tra tấn, sẽ chết trên thập giá. Họ cũng không nghi ngờ gì về chính đời sống của họ sẽ đánh dấu bởi những cuộc lên đường mệt nhọc, bức hại và tử đạo, và qua lời tuân thuận của họ, họ kết hợp với đau khổ của Đức Giêsu.

Và phần thưởng nào dành cho các việc như vậy? Mẹ của Giacôbê và Gioan muốn có một đặc ân cụ thể: "Xin Thầy truyền cho hai con tôi đây, một người ngồi bên hữu, một người ngồi bên tả Thầy trong Nước Thầy". Như thế, cả ba đã có một ý định cụ thể về điều họ muốn: quyền lực, ảnh hưởng, thành công và giàu có. Họ chuẩn bị để đóng một vai trò quan trọng khi nhà cầm quyền La-mã bị tống đi, khi Đức Giêsu thiết lập nước của Người và thành lập hội đồng bộ trưởng.

Tuy nhiên, mặc dù cho các nhận thức sai lầm, họ cũng bị xúc động sâu xa bởi Đức Giêsu. Qua sự hiện diện của Người, họ biết có một cái gì mới tận căn, một cái gì vượt quá những gì họ tưởng tượng. Điều này có liên hệ đến tự do bên trong, tình yêu, lòng ưu ái, hy vọng và hơn tất cả, đến Con Người vô tận của Thiên Chúa. Đúng, họ muốn quyền lực và ảnh hưởng, nhưng trên tất cả, họ muốn ở gần Đức Giêsu. Dòng chảy sau này của đời họ sẽ làm cho họ thấy dần dần họ đã trả lời vâng cho cái gì. Họ học làm người phục vụ thay vì làm chủ, học giữ chỗ cuối cùng thay vì chỗ trên cùng, học trao ban đời sống của mình thay vì điều khiển đời sống của người khác. Mỗi lần trả lời là mỗi lần làm lại chọn lựa. Họ muốn ở lại với Đức Giêsu hay muốn ra đi? Họ muốn theo chân Đức Giêsu hay muốn tìm quyền lực ở nơi khác?

Sau này, Đức Giêsu đặt họ trước một thách đố cụ thể: "Cả anh em nữa, anh em cũng muốn bỏ đi sao?" Simon-Phêrô liền đáp: "Thưa Thầy, bỏ Thầy thì chúng con biết đến với ai? Thầy mới có những lời đem lại sự sống đời đời. Phần chúng con, chúng con đã tin và nhận biết rằng chính Thầy là Đấng Thánh của Thiên Chúa" (Ga 6:67-69). Các bạn của ông và ông đã nhận biết Nước Trời mà Đức Giêsu nói. Nhưng câu hỏi vẫn còn đó: "Con có thể uống chén Ta sắp uống không?" Và mỗi lần hỏi là mỗi lần họ trả lời vâng. Vậy chỗ nào là chỗ của họ trong Nước Trời? Có thể họ không có một chỗ như họ mong chờ, nhưng có thể họ có một chỗ ở gần Đức Giêsu hơn các môn đệ khác không?

Câu trả lời của Đức Giêsu cũng trực tiếp như câu hỏi: "Còn việc ngồi bên hữu hay bên tả Thầy, thì Thầy không có quyền cho, nhưng Cha Thầy đã chuẩn bị cho ai thì người đó mới được" (Mt 20:23). Uống chén không phải là một hành vi anh hùng đòi có phần thưởng. Đó không phải là cho qua cho về. Đó là một hành vi yêu thương không vụ lợi, một hành vi tuân thuận Thiên Chúa, Đấng sẽ cho chúng ta những gì khi chúng ta cần.

Đức Giêsu mời chúng ta uống chén này nhưng không hứa cho chúng ta phần thưởng: đó là thách đố lớn nhất của đời sống thiêng liêng. Điều này vượt quá tất cả hy vọng và tính toán của con người. Điều này thách thức tất cả mọi ước muốn dự trù, muốn biết trước mọi chuyện. Điều này lật ngược mọi hy vọng của tương lai dự định trước và phá hủy mọi đặt để an toàn mà chúng ta bày đặt ra. Điều này đòi

hồi lòng tin tưởng tận căn vào Thiên Chúa, giống như lòng tin tưởng của Đức Giêsu khi người uống chén.

Uống chén mà Đức Giêsu đã uống, đó là sống đời sống trong và với tinh thần của Đức Giêsu, tinh thần yêu thương không điều kiện. Tình mật thiết giữa Đức Giêsu và Abba, Cha Người, là tình mật thiết xây dựng trên lòng tin tưởng tuyệt đối, nơi không có trò chơi của quyền lực, không có hứa hẹn qua vè, không có thỏa thuận trước. Đó là tình yêu tinh tuyền, không hạn chế và không giới hạn. Hoàn toàn cởi mở, tuyệt đối tự do. Tình mật thiết này đã cho Đức Giêsu sức mạnh để uống chén của Người. Đức Giêsu muốn chia sẻ tình mật thiết này với chúng ta để chúng ta có thể uống chén của mình. Tình mật thiết này mang một cái tên: Thần Khí. Sống đời sống thiêng liêng là sống đời sống trong đó Thần Khí lan tỏa tình yêu trong quả tim, hướng dẫn và cho chúng ta sức mạnh để trả lời vâng cho câu hỏi lớn lao này.

LỜI KẾT

CHỈ MỘT CHÉN, CHỈ MỘT NHIỆM THỂ

Gần bốn mươi năm qua ngày Hồng y Bernard Alfrink phong chức cho tôi và ngày cậu Antôn cho tôi chén thánh vàng.

Sáng hôm sau, tôi dâng lễ mở tay ở nhà nguyện các nữ tu trong chủng viện. Đứng trước bàn thờ, lưng quay lại các nữ tu, những người rất tốt với tôi trong sáu năm học triết học và thần học, tôi chậm rãi đọc tất cả lời cầu nguyện và bài đọc bằng tiếng La-tinh. Trong phần dâng lễ, tôi cẩn thận cầm chén thánh. Sau khi đọc lời truyền phép, tôi nâng chén thánh lên quá đầu để các nữ tu có thể thấy. Và, trong lúc chịu lễ, sau khi đã rước và phát bánh thánh, tôi uống chén bởi vì tôi là người duy nhất được uống chén vào thời buổi đó.

Đó là một kinh nghiệm huyền bí và thân mật. Đối với tôi, sự hiện diện của Đức Giêsu thì quá gần hơn bất cứ sự hiện diện của một người bạn nào. Sau đó, quỳ gối thật lâu, tôi chìm đắm trong ân sủng được làm linh mục.

Bốn mươi năm sau đó, mỗi ngày tôi đều dâng lễ, trừ những dịp thật hiếm không dâng được, tôi không thể hình dung đời sống của tôi không có kinh nghiệm kết hiệp mật thiết với Đức Giêsu. Tuy nhiên, bao nhiêu là chuyện đã thay đổi. Hôm nay, tôi ngồi bên chiếc bàn thấp, chung quanh là các anh chị em khuyết tật. Chúng tôi đọc và cầu nguyện bằng tiếng Anh. Khi dọn bánh và rượu lên bàn thờ, rượu được rót trong những chén lớn, mà tôi và các người phụ lễ sẽ cho những người tham dự thánh lễ uống. Trong lúc đọc lời truyền phép, bánh và rượu được nâng lên cao để mọi người cùng thấy của lễ dâng hiến, để cùng ý thức sự hiện diện của Đức Giêsu ở giữa chúng tôi. Lúc đó mình và máu Chúa được trao ban như lương thực và của uống của cộng đoàn. Và khi chúng tôi đưa chén cho tín hữu, chúng tôi nhìn vào mắt họ và nói: " Đây là máu thánh Chúa Kitô ".

Qua năm tháng, hành vi mỗi ngày này đã ăn sâu vào đời sống chúng tôi và làm cho chúng tôi ý thức những gì chúng tôi đang sống mỗi ngày. Buồn phiền và niềm vui khăng khít vào huyền nhiệm sự chết và sống lại của Đức Giêsu. Chúng tôi dâng lễ đơn sơ ở dưới tầng hầm của ngôi nhà nguyện nhỏ, mỗi

ngày chúng tôi sống không phải là một chuỗi các buổi gặp gỡ, các việc tinh cò, nhưng là ngày Chúa chọn để chúng tôi biết có sự hiện diện của Người.

Bao nhiêu chuyện đã thay đổi! Và dù vậy, chẳng có gì là thay đổi. Cách đây gần bốn mươi năm, tôi không hình dung ra hình ảnh linh mục của tôi ngày hôm nay. Đó là phần đóng góp liên tục của tôi vào chức thánh lân tuất của Đức Giêsu, người đã làm cho những năm tháng này thành một thánh lễ lâu dài và đẹp đẽ, một hành vi cầu nguyện, ngợi khen và tạ ơn liên tục.

Chén bằng vàng trở thành chén thủy tinh, nhưng chất liệu bên trong vẫn không thay đổi. Đó là đời sống Đức Kitô và đời sống chúng ta trộn lẫn với nhau trong một đời sống. Khi chúng ta uống chén, chúng ta uống chén Đức Giêsu đã uống, mà cũng là uống chén của chúng ta. Đó là mầu nhiệm lớn lao của Thánh Thể. Chén của Đức Giêsu, rót đầy đời sống của Người, đổ ra cho chúng ta và cho nhân loại, và chén của chúng ta rót đầy máu của chúng ta, tất cả là một chén. Cùng nhau, khi chúng ta uống chén Đức Giêsu đã uống, chúng ta trở thành nhiệm thể của Đức Kitô, Đấng đã chết và sống lại mãi mãi để cứu rỗi nhân loại

LỜI NGUYỆN

Lạy Chúa Giêsu là Đấng cứu độ chúng con.

Biết bao người đang âu sầu phiền muộn, xin nhớ lại giờ Chúa hấp hối.

Biết bao người còn phải mang thương tích, xin nhớ lại những cực hình Chúa chịu.

Biết bao người bị nhạo báng chê bai, xin nhớ lại vòng gai Chúa đội đầu.

Biết bao người đang chán ngán cuộc đời, xin nhớ lại tiếng kêu than của Chúa.

Biết bao người ngày hôm nay lia thê, xin nhớ lại cái chết nhục nhằn của Chúa trên thập tự.

Biết bao người gặp thử thách mà vẫn cây trồng, xin cho họ được ánh sáng Phục sinh soi chiếu.

(Lời cầu Kinh Chiều Thứ Sáu tuần III thường niên)